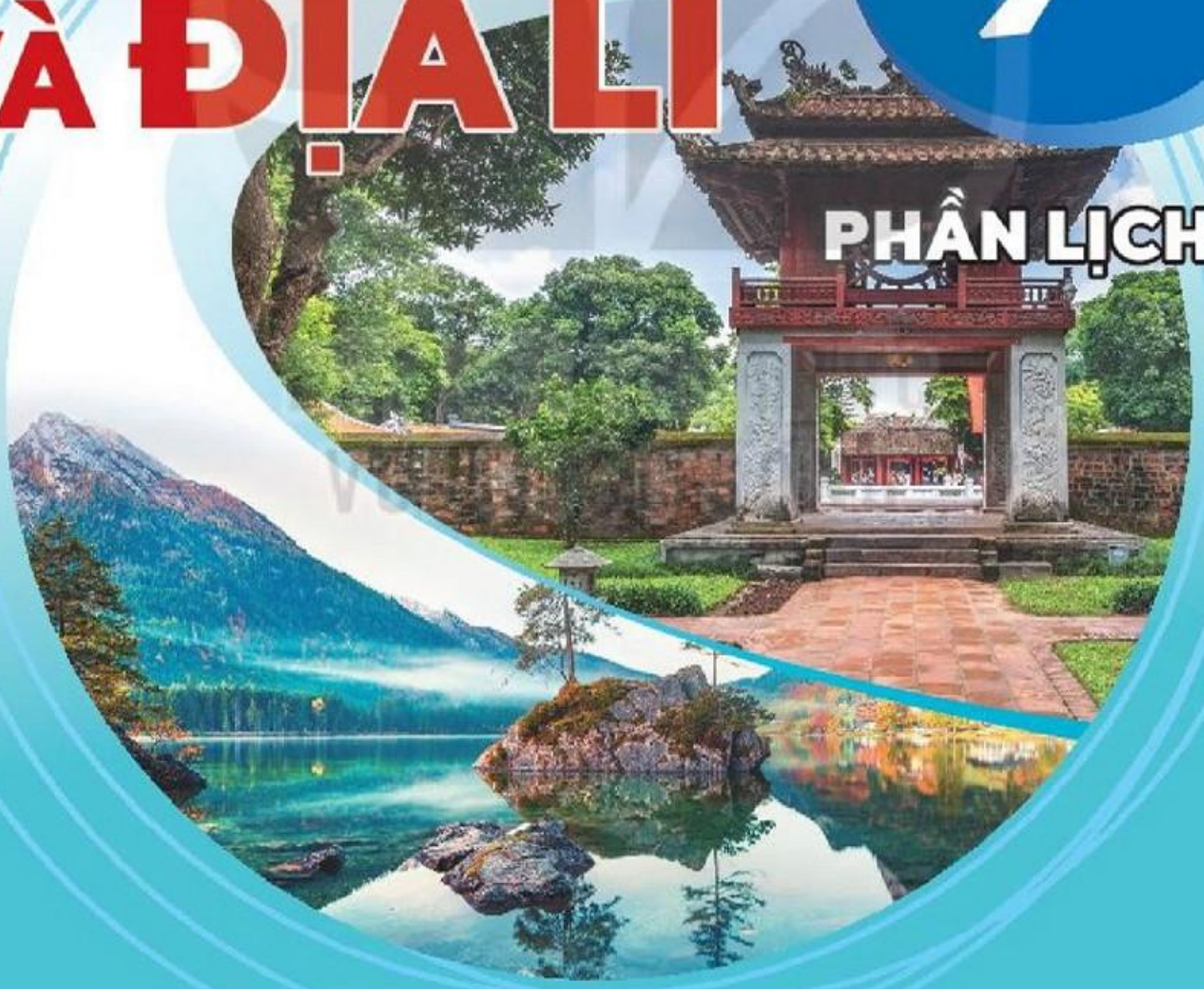
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NGUYỄN THỊ CÔI – VŨ VĂN QUÂN (đồng Chủ biên)
PHẠM THỊ THANH HUYỀN – ĐẶNG HỒNG SƠN – NGHIÊM ĐÌNH VỲ

Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

PHẦN LỊCH SỬ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ CÔI – VŨ VĂN QUÂN (đồng Chủ biên)
PHẠM THỊ THANH HUYỀN – ĐẶNG HỒNG SƠN – NGHIÊM ĐÌNH VỲ

Bài tập LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

PHẦN LỊCH SỬ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Bài tập *Lịch sử và Địa lí 7 – Phần Lịch sử* được biên soạn bám sát nội dung các bài học trong SGK *Lịch sử và Địa lí 7* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm mục đích giúp các em luyện tập; củng cố những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong quá trình học tập trên lớp cũng như vận dụng vào cuộc sống hiện tại.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

Phần một: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Gồm nhiều dạng bài tập như câu hỏi trắc nghiệm (để kiểm tra việc ghi nhớ kiến thức của học sinh), bài tập tự luận ở các mức độ (để rèn luyện kĩ năng trình bày, giải thích, suy luận, đánh giá và vận dụng của học sinh).

Phần hai: ĐÁP ÁN (đối với câu hỏi trắc nghiệm) VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP (đối với dạng tự luận)

Các tác giả hi vọng *Bài tập Lịch sử và Địa lí 7 – Phần Lịch sử* (Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*) sẽ hỗ trợ tốt các em trong quá trình học tập và có thêm hứng thú khi tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng khó tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

TRANG

PHẦN MỘT: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP 4

Chương 1. Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI 4

Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu 4

Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu 8

Bài 3. Phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo 11

Chương 2. Trung Quốc và Ấn Độ thời trung đại 15

Bài 4. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX 15

Bài 5. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX 19

Chương 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI 23

Bài 6. Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI 23

Bài 7. Vương quốc Lào 26

Bài 8. Vương quốc Cam-pu-chia 28

Chương 4. Đất nước dưới thời các vương triều Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009) 30

Bài 9. Đất nước buổi đầu độc lập (939 – 967) 30

Bài 10. Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 – 1009) 32

Chương 5. Đại Việt thời Lý – Trần – Hồ (1009 – 1407) 36

Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009 – 1225) 36

Bài 12. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077) 40

Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226 – 1400) 42

Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên 46

Bài 15. Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 – 1407) 50

Chương 6. Khởi nghĩa Lam Sơn và Đại Việt thời Lê sơ (1418 – 1527) 53

Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) 53

Bài 17. Đại Việt thời Lê sơ (1428 – 1527) 56

Chương 7. Vùng đất phía Nam Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI 60

Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI 60

Chủ đề chung 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí 63

Chủ đề chung 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại 67

PHẦN HAI: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP 70

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 1 TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Năm 476, đế quốc La Mã bị diệt vong đã đánh dấu*

A. chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã chấm dứt, chế độ phong kiến ở Tây Âu bắt đầu.

B. chế độ phong kiến chấm dứt, thời kì tư bản chủ nghĩa bắt đầu ở Tây Âu.

C. chế độ dân chủ cổ đại chấm dứt, chế độ phong kiến bắt đầu ở Tây Âu.

D. thời kì đấu tranh của nô lệ chống chế độ chiếm hữu nô lệ bắt đầu ở Tây Âu.

1.2. *Nội dung nào **không** phản ánh đúng việc làm của người Giéc-man khi tràn vào lãnh thổ La Mã?*

A. Thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, thành lập nhiều vương quốc mới.

B. Xâm chiếm đất đai của người La Mã.

C. Phong tước vị cho quý tộc thị tộc người Giéc-man.

D. Duy trì tôn giáo nguyên thuỷ của người Giéc-man.

1.3. *Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến ở Tây Âu cho đến thế kỉ IX là*

A. trang trại.

B. lãnh địa.

C. phường hội.

D. thành thị.

1.4. *Đặc điểm nổi bật về kinh tế của lãnh địa phong kiến Tây Âu là gì?*

A. Mỗi lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, tự cấp tự túc.

B. Mỗi lãnh địa có quân đội, luật pháp, toà án riêng,...

C. Trong lãnh địa có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.

D. Thường xuyên có sự trao đổi hàng hoá với bên ngoài lãnh địa.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.5. *Giai cấp giữ vai trò sản xuất chính trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu là*

A. nông dân.
C. nông nô.
B. nô lệ.
D. nông dân tự canh.

1.6. *Quá trình xác lập quan hệ sản xuất phong kiến diễn ra mạnh mẽ nhất ở vương quốc nào ở Tây Âu?*

A. Vương quốc Tây Gốt.
C. Vương quốc Đông Gốt.
B. Vương quốc của người Ăng-glô Xắc-xông.
D. Vương quốc Phơ-răng.

1.7. *Quyền "miễn trừ" mà nhà vua ban cho lãnh chúa trong thời kì trung đại ở Tây Âu là*

A. nhà vua không được can thiệp vào lãnh địa của lãnh chúa.
B. các lãnh chúa lớn không phải đóng thuế cho nhà vua.
C. lãnh chúa không phải chịu bất cứ hình phạt nào của nhà vua.
D. lãnh chúa không phải đóng góp về quân sự khi có chiến tranh.

1.8. *Để thoát khỏi lãnh địa, một số thợ thủ công đã*

A. bỏ trốn khỏi lãnh địa.
B. tập hợp lực lượng để chống lại lãnh chúa phong kiến.
C. dùng tiền chuộc lại thân phận của mình.
D. bỏ trốn khỏi lãnh địa hoặc dùng tiền chuộc lại thân phận.

1.9. *Cư dân sống trong các thành thị trung đại Tây Âu chủ yếu là*

A. thợ thủ công, thương nhân.
C. thợ thủ công, nông dân.
B. lãnh chúa, quý tộc.
D. lãnh chúa, thợ thủ công.

1.10. *Ngành kinh tế chủ yếu trong các thành thị Tây Âu thời trung đại là*

A. nông nghiệp và thủ công nghiệp.
B. thủ công nghiệp và thương nghiệp.
C. công nghiệp và thủ công nghiệp.
D. nông nghiệp và công nghiệp.

1.11. *Nội dung nào **không** phản ánh đúng vai trò của thành thị trung đại Tây Âu?*

A. Thủ tiêu nền kinh tế của lãnh địa.
B. Tạo điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá.
C. Đưa đến sự ra đời của tầng lớp thị dân.
D. Mang lại không khí tự do, mở mang tri thức cho mọi người.

Bài tập 2. Hãy ghép các ý ở cột A với cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Các lãnh địa phong kiến	a) thu tô thuế và chi phối mọi mặt đời sống của nông nô.
2. Lãnh chúa phong kiến	b) chiếm nhiều ruộng đất của chủ nô La Mã.
3. Quý tộc thị tộc người Giéc-man	c) chủ yếu sống trong các thành thị.
4. Thương nhân và thợ thủ công	d) thuộc sở hữu riêng của các lãnh chúa.

Bài tập 3. Hãy xác định các câu sau đây đúng hoặc sai về nội dung lịch sử.

A. Hoạt động kinh tế chủ đạo trong các thành thị trung đại là nông nghiệp.

B. Lãnh địa là đơn vị kinh tế khép kín.

C. Các lãnh chúa sống bằng việc bóc lột sức lao động của nô lệ.

D. Những nông dân tự do bị mất ruộng đất, phải lĩnh canh ruộng đất để cày cấy, trở thành nông nô.

E. Thành thị ra đời góp phần xây dựng nền văn hoá mới của tầng lớp thị dân.

Bài tập 4. Hãy xác định các ý trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Trong các ý sau đây, ý nào nói về vai trò của các thành thị trung đại đối với xã hội phong kiến Tây Âu?

A. Một số thành thị do các lãnh chúa lập ra hoặc được phục hồi từ các thành thị cổ đại.

B. Tầng lớp thị dân mới được hình thành đòi hỏi phải xây dựng nền văn hoá mới.

C. Kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp trong các thành thị dần phá vỡ tính tự nhiên của nền kinh tế lãnh địa phong kiến.

D. Thành thị ra đời góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến tập quyền.

E. Cư dân sống trong các thành thị chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 5. Quan sát hình 4 (tr. 11, SGK) và khai thác nội dung trong mục 2 (SGK), hãy lựa chọn ý **không** phù hợp khi miêu tả đời sống của lãnh chúa trong các lãnh địa phong kiến.

A. Lãnh chúa sống bằng việc bóc lột sức lao động của nông nô.

B. Nô lệ canh tác trên đất đai của lãnh chúa và nộp tô cho lãnh chúa.

C. Lãnh chúa giao đất khẩu phần cho nô lệ cày cấy.

D. Các lãnh chúa có quyền lực to lớn trong các lãnh địa của mình.

E. Nông nô phải sản xuất ra lương thực, thực phẩm và mọi thứ đồ dùng để phục vụ nhu cầu cho lãnh chúa.

G. Lãnh chúa kinh doanh việc buôn bán nô lệ.

H. Lãnh chúa thỉnh thoảng phải yết kiến nhà vua.

I. Các lãnh chúa không phải lao động sản xuất, hằng ngày chỉ luyện tập cung kiếm, săn bắn và tham dự các buổi yến tiệc.

B Tự luận

Bài tập 1. Lập và hoàn thiện bảng (theo mẫu dưới đây) để làm rõ sự khác nhau giữa lãnh địa phong kiến và thành thị trung đại.

Nội dung	Lãnh địa phong kiến	Thành thị trung đại
Hoạt động kinh tế chủ yếu	.....	.....
Thành phần cư dân chủ yếu	.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 2. Dựa vào hình 3 (tr. 10, SGK) và hình 4 (tr. 11, SGK), em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) miêu tả cuộc sống của lãnh chúa và nông nô trong các lãnh địa phong kiến. Từ đó, em có nhận xét gì?

Bài tập 3. Việc sản xuất thủ công nghiệp và buôn bán trong các thành thị có ý nghĩa như thế nào đối với nền kinh tế trong xã hội phong kiến Tây Âu?

Bài tập 4. Tại sao nói: Thành thị ra đời góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền?

Bài tập 5. Tìm hiểu và cho biết một số dấu ấn tiêu biểu của thành thị trung đại (các thành phố cổ, trường đại học,...) còn được bảo tồn, gìn giữ và phát triển đến ngày nay.

Bài 2 CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ VÀ SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Các cuộc phát kiến địa lí vào thế kỉ XV được thực hiện bằng con đường nào?*

A. Đường bộ.
C. Đường hàng không.
B. Đường biển.
D. Đường sông.

1.2. *Những quốc gia nào đi tiên phong trong các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI?*

A. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha.
C. Anh, Hà Lan.
B. Hy Lạp, I-ta-li-a.
D. Tây Ban Nha, Anh.

1.3. *Người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ là*

A. B. Đi-a-xơ.
C. V. Ga-ma.
B. C. Cô-lôm-bô.
D. Ph. Ma-gien-lăng.

1.4. *Hướng đi của C. Cô-lôm-bô có điểm gì khác so với các nhà phát kiến địa lí khác?*

A. Đi sang hướng đông.
C. Đi xuống hướng nam.
B. Đi về phía tây.
D. Ngược lên hướng bắc.

1.5. *Người đầu tiên thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển là*

A. B. Đi-a-xơ.
C. V. Ga-ma.
B. C. Cô-lôm-bô.
D. Ph. Ma-gien-lăng.

1.6. *Nội dung nào **không** phải là hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí ở Tây Âu thời trung đại?*

A. Tạo ra cuộc cách mạng về giao thông và tri thức.
B. Làm cho thị trường thế giới được mở rộng.
C. Làm nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa.
D. Dẫn đến sự ra đời các thành thị trung đại.

1.7. *Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?*

A. Tăng lữ, quý tộc.
C. Thương nhân, quý tộc.
B. Nông dân, quý tộc.
D. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc.

1.8. *Những thành phần nào hình thành nên giai cấp tư sản trong xã hội Tây Âu?*

A. Chủ công trường thủ công, chủ đồn điền, nhà buôn lớn.
B. Chủ công trường thủ công, nông dân mất ruộng đất, nhà buôn lớn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

C. Chủ công trường thủ công, chủ đồn điền, nhà buôn phá sản.

D. Chủ đồn điền, nhà buôn lớn, các thợ thủ công học việc.

Bài tập 2. Hãy xác định các ý trả lời đúng cho câu hỏi sau.

Sau phát kiến địa lí, giai cấp tư sản Tây Âu đã sử dụng những biện pháp nào để tích luỹ vốn và nhân công?

A. Mở rộng quy mô các xưởng sản xuất, các đồn điền và các công ti thương mại.

B. Cho nô lệ vay lãi nặng.

C. Buôn bán nô lệ.

D. "Rào đất cướp ruộng".

E. Phát hành thêm nhiều tiền.

G. Vay tiền của nhà vua để mở rộng kinh doanh.

Bài tập 3. Hãy ghép nội dung ở cột A với cột B sao cho phù hợp với hành trình của các cuộc phát kiến địa lí.

Cột A	Cột B
1. Hành trình của B. Đi-a-xơ	a) Bắt đầu từ năm 1519, hoàn thành năm 1522.
2. Hành trình của C. Cô-lôm-bô	b) Đến mũi cực nam châu Phi, đặt tên là mũi Hảo Vọng.
3. Hành trình của V. Ga-ma	c) Bắt đầu năm 1492.
4. Hành trình của Ph. Ma-gien-lăng	d) Hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới, chứng minh về thực tiễn Trái Đất có dạng hình cầu.
	e) Bắt đầu năm 1497.
	g) Đi về phía tây, vượt qua Đại Tây Dương, tìm ra vùng đất mới, sau này được gọi là châu Mỹ.
	h) Cập cảng ở phía tây nam Ấn Độ vào năm 1498.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy chọn từ/cụm từ để hoàn thiện các câu sau.

Các cuộc phát kiến địa lí đã diễn ra vào cuối thế kỉ ...(1)... – đầu thế kỉ ...(2)..., trong đó ...(3)... và ...(4)... là những nước đi tiên phong.

Những nhà phát kiến đã tìm ra những ...(5)..., ...(6)... hàng hải mới.

Phát kiến địa lí đã đem về ...(7)... khối lượng lớn vàng bạc, nguyên liệu.

Tuy nhiên, phát kiến địa lí cũng gây ra những tác động ...(8)... như làm nảy sinh nạn buôn bán nô lệ da đen.

Sau các cuộc phát kiến địa lí, giới ...(9)... và ...(10)... châu Âu đẩy mạnh việc cướp bóc và buôn bán nhằm tích luỹ vốn và nhân công.

Bài tập 2. Đọc đoạn tư liệu sau và khai thác thông tin trong SGK, em hãy cho biết vì sao các cuộc phát kiến địa lí có ý nghĩa thúc đẩy nhanh quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản?

"Việc tìm thấy những vùng có mỏ vàng và mỏ bạc ở châu Mỹ, việc tuyệt diệt những người bản xứ, bắt họ làm nô lệ và chôn vùi họ trong các hầm mỏ; việc bắt đầu đi chinh phục và cướp bóc miền Đông Ấn; việc biến châu Phi thành khu cấm để săn bắt, buôn bán người da đen – đó là buổi bình minh của thời đại sản xuất tư bản chủ nghĩa."

(C. Mác, *Tư bản, Quyển thứ nhất*, Tập III, NXB Sự thật, 1975, tr. 330)

Bài tập 3. Vì sao phong trào "rào đất cướp ruộng" diễn ra điển hình nhất ở nước Anh?

Bài tập 4. Biến đổi chính trong xã hội Tây Âu cuối thời kì trung đại là gì? Hãy cho biết nguồn gốc xuất thân của giai cấp tư sản và vô sản.

Bài tập 5. Một hậu quả của phát kiến địa lí là dẫn đến làn sóng xâm lược thuộc địa và cướp bóc thực dân. Hãy tìm hiểu và cho biết Việt Nam đã từng bị xâm lược và trở thành thuộc địa của nước nào?

Bài 3 PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HƯNG VÀ CẢI CÁCH TÔN GIÁO

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến là*

A. cách mạng tri thức sau phát kiến địa lí.

B. phong trào Văn hoá Phục hưng ở Tây Âu.

C. các cuộc chiến tranh nông dân ở Tây Âu.

D. trào lưu "Triết học Ánh sáng" của Pháp.

1.2. *Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hoá Phục hưng là do*

A. giai cấp tư sản muốn giành được địa vị xã hội tương ứng với thế lực kinh tế.

B. giai cấp tư sản muốn có được tiềm lực kinh tế tương ứng với địa vị xã hội.

C. giai cấp tư sản muốn thủ tiêu văn hoá của các quốc gia cổ đại Hy Lạp, La Mã.

D. giai cấp tư sản dựa vào các cuộc chiến tranh nông dân để chống lại chế độ phong kiến.

1.3. *"Quê hương" của phong trào Văn hoá Phục hưng là*

A. Pháp.

B. Anh.

C. I-ta-li-a.

D. Đức.

1.4. *Ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng là*

A. đề cao độc lập, chủ quyền và tự do của các dân tộc.

B. đề cao giá trị con người và quyền tự do cá nhân.

C. đề cao giáo lí của Giáo hội nhà thờ Thiên Chúa giáo.

D. đề cao giá trị văn hoá Tây Âu thời sơ kì trung đại.

1.5. *Lĩnh vực nào đạt được thành tựu rực rỡ nhất trong phong trào Văn hoá Phục hưng?*

A. Văn học, Triết học.

B. Nghệ thuật, Toán học.

C. Khoa học – Kĩ thuật.

D. Văn học, Nghệ thuật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.6. *Câu nói nổi tiếng "Dù sao thì Trái Đất vẫn quay" là của nhà khoa học nào?*

A. N. Cô-péc-ních (Ba Lan).
C. G. Bru-nô (I-ta-li-a).
B. G. Ga-li-lê (I-ta-li-a).
D. Pơ-tô-lê-mê (Hy Lạp).

1.7. *Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung của phong trào Cải cách tôn giáo?*

A. Ủng hộ việc làm giàu của giai cấp tư sản.
B. Phê phán những giáo lí giả dối của Giáo hội.
C. Đòi bỏ bớt những lễ nghi tốn kém.
D. Đề cao công lao của Giáo hoàng.

1.8. *Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bùng nổ phong trào Cải cách tôn giáo, **ngoại trừ***

A. Giáo hội Thiên Chúa dần trở nên lũng đoạn, chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội châu Âu.
B. giai cấp tư sản muốn sáng lập tôn giáo mới để cứu vớt những người nghèo khổ.
C. nhiều giáo hoàng và giám mục quá quan tâm đến quyền lực và vật chất.
D. nhiều lễ nghi Thiên Chúa giáo gây tốn kém và phiền phức cho đời sống của các tín đồ.

Bài tập 2. Hãy ghép tên nhân vật với lĩnh vực mà họ có nhiều cống hiến trong phong trào Văn hoá Phục hưng.

Nhân vật	Lĩnh vực
1. Đan-tê	
2. Lê-ô-na đơ Vanh-xi	a) Văn học
3. W. Sếch-xpia	
4. Mi-ken-lăng-giơ	b) Nghệ thuật
5. G. Bru-nô	
6. M. Xéc-van-tét	
7. N. Cô-péc-ních	c) Khoa học tự nhiên
8. G. Ga-li-lê	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. Hãy xác định các câu sau đây đúng hoặc sai về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. Giai cấp tư sản ra đời có thế lực ngày càng mạnh về kinh tế nhưng chưa có địa vị xã hội tương ứng, vì thế họ muốn đấu tranh chống lại chế độ phong kiến, đầu tiên là trên lĩnh vực tư tưởng – văn hoá.

B. Giai cấp tư sản muốn xây dựng một nền văn hoá mới của giai cấp mình.

C. Quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng là Anh.

D. Nội dung chủ đạo của phong trào Văn hoá Phục hưng là ca ngợi sự công bằng, bác ái.

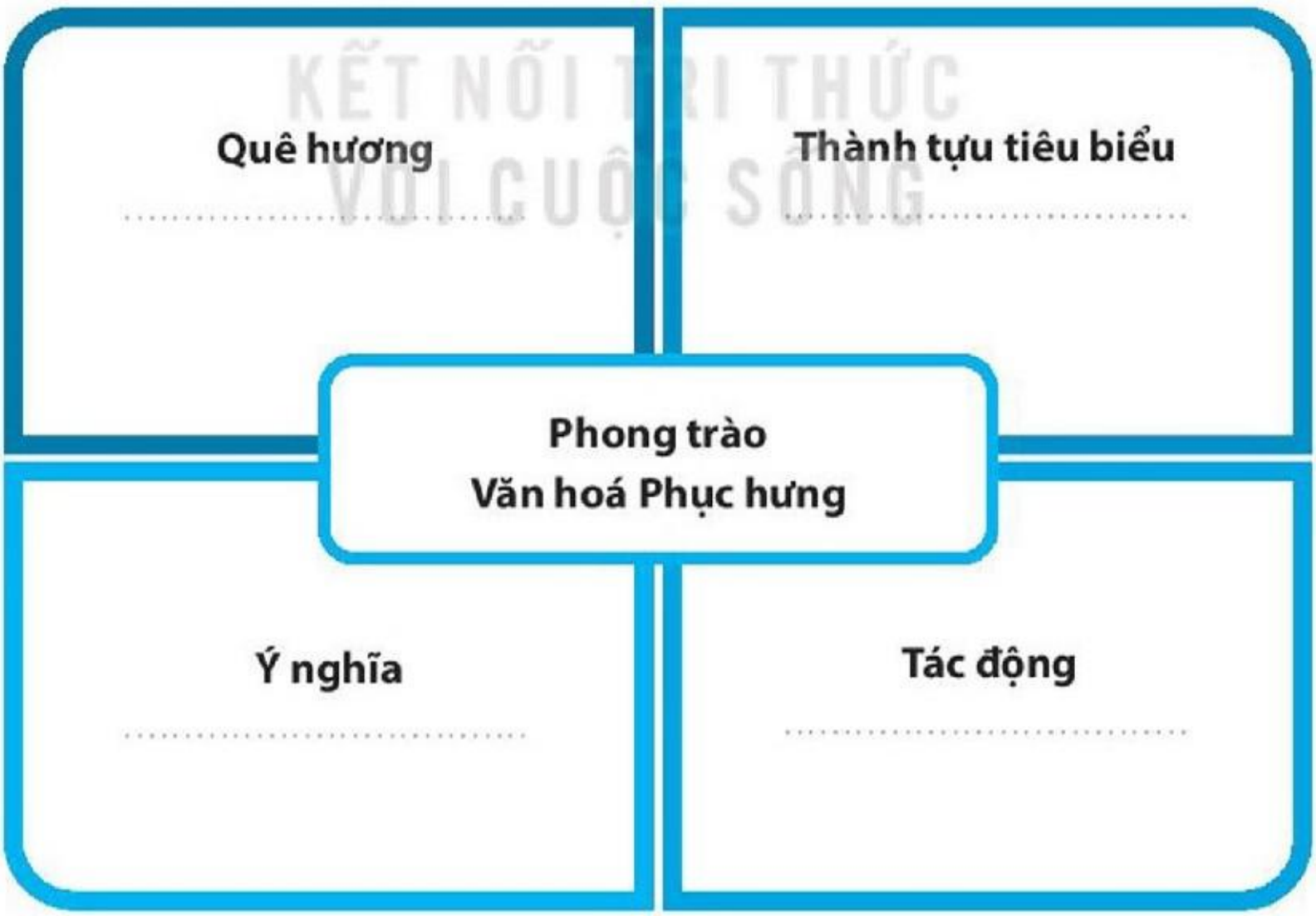
E. Các nhà tư tưởng của phong trào Văn hoá Phục hưng công khai ủng hộ việc bóc lột làm giàu của giai cấp tư sản.

G. Phong trào Cải cách tôn giáo là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực chính trị của giai cấp tư sản.

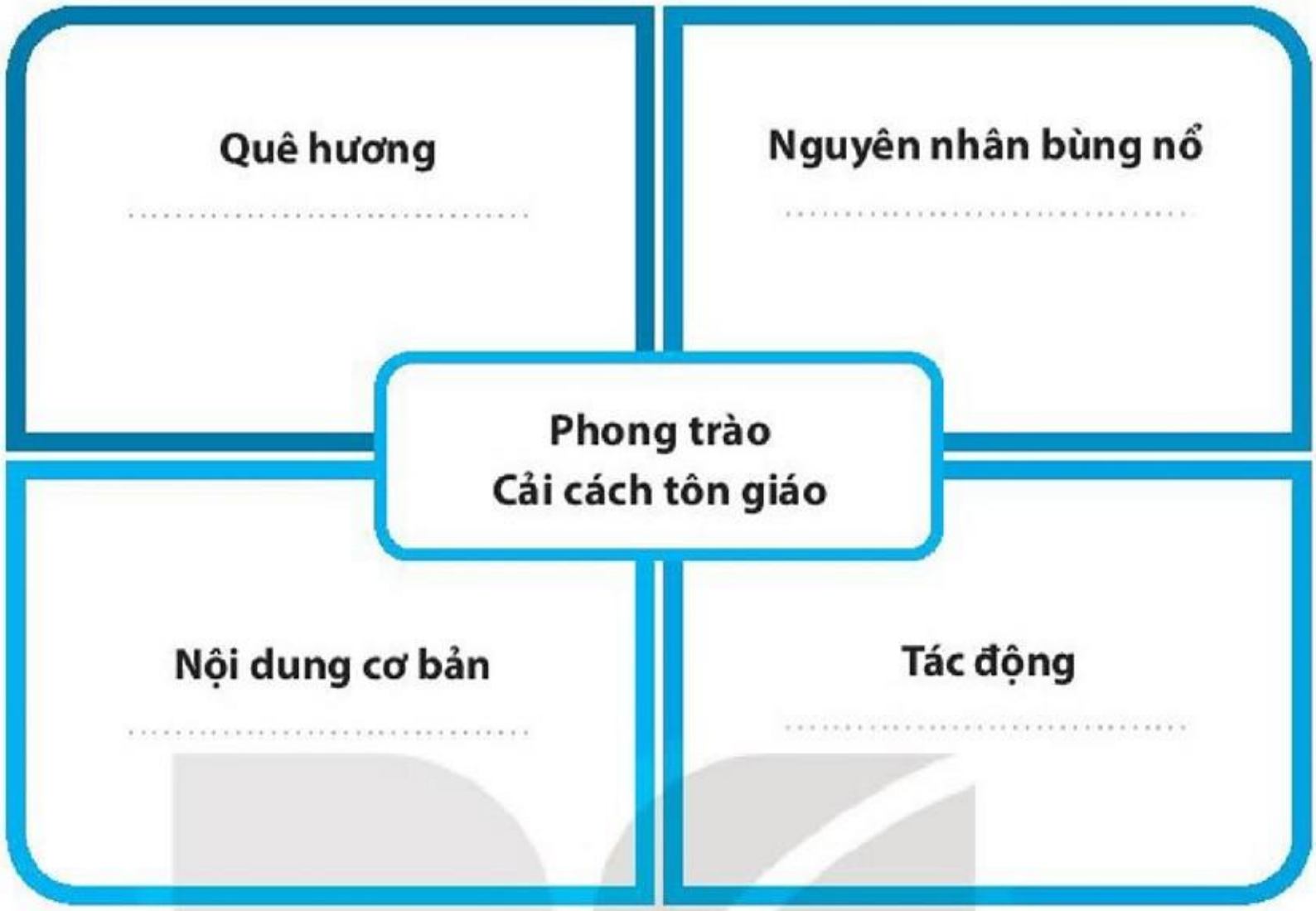
H. Sự ra đời của đạo Tin Lành là một trong những kết quả của phong trào Cải cách tôn giáo.

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy hoàn thành sơ đồ về phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo (theo mẫu dưới đây).



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



Bài tập 2. Từ kết quả bài tập 1, em hãy tìm ra điểm giống nhau giữa phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo.

Bài tập 3. Ph. Ăng-ghen đã nhận xét về thời đại Phục hưng như sau: "Đó là một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại nhất mà loài người chưa từng thấy, một thời đại đã đẻ ra những con người khổng lồ, khổng lồ về tư tưởng,... về tài năng mọi mặt và sự hiểu biết sâu rộng của họ".

Em có đồng ý với nhận xét trên không? Vì sao?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 2 TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI

Bài 4 TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Trung Quốc trở thành quốc gia phong kiến cường thịnh nhất châu Á dưới triều đại*

A. nhà Hán.
B. nhà Đường.
C. nhà Nguyên.
D. nhà Thanh.

1.2. *Chính sách lấy ruộng đất công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân dưới thời Đường, được gọi là chế độ*

A. công điền.
B. tịch điền.
C. quân điền.
D. doanh điền.

1.3. *Thương cảng nào trong thời Minh – Thanh trở thành trung tâm buôn bán sầm uất với nước ngoài?*

A. Tô Châu.
B. Tùng Giang.
C. Quảng Châu.
D. Thượng Hải.

1.4. *Biểu hiện khẳng định những mầm mống của kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở Trung Quốc thời Minh – Thanh là*

A. nhiều xưởng thủ công có quy mô lớn đã đạt tới trình độ chuyên môn hoá trong sản xuất và thuê nhiều nhân công.
B. xuất hiện người thuê nhân công, người thợ làm thuê lấy tiền công.
C. ngoại thương phát triển, có quan hệ buôn bán với nhiều nước.
D. hoạt động buôn bán trong nước phát triển.

1.5. *Hệ tư tưởng chính thống của chế độ phong kiến Trung Quốc là*

A. Phật giáo.
B. Nho giáo.
C. Thiên Chúa giáo.
D. Hồi giáo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.6. *Phật giáo được thịnh hành nhất dưới thời*

A. Đường.
B. Tống.
C. Minh.
D. Thanh.

1.7. *Thời Đường, loại hình văn học phát triển nhất là*

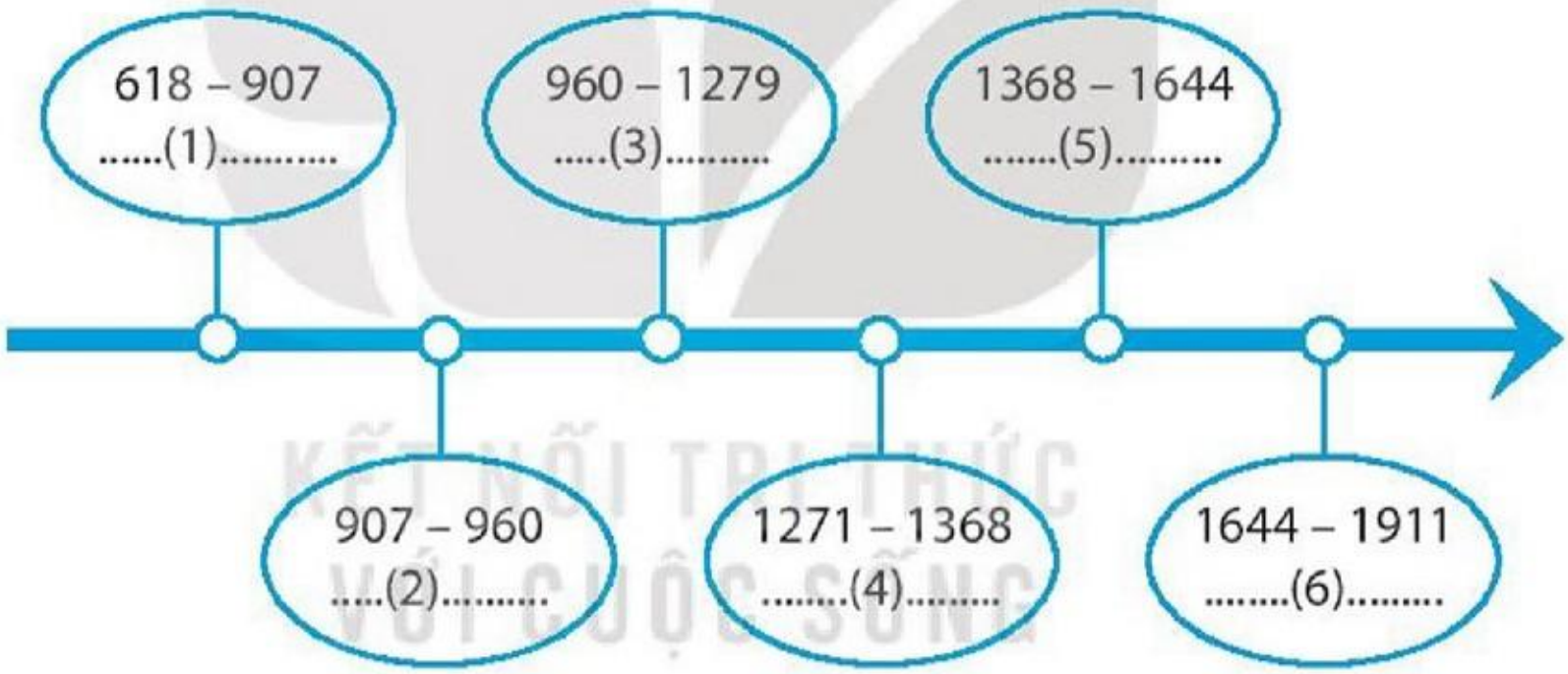
A. ca múa.
B. tiểu thuyết.
C. kịch nói.
D. thơ.

1.8. *Công trình kiến trúc đồ sộ được xây dựng dưới thời Minh là*

A. Thanh minh thượng hà đồ.
B. Cung A Phòng.
C. Lăng Li Sơn.
D. Cố Cung Bắc Kinh.

Bài tập 2. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho trước để hoàn thiện sơ đồ (theo mẫu dưới đây) sao cho phù hợp về các triều đại phong kiến Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

Tống, Đường, thời kì Ngũ đại, Thanh, Minh, Nguyên



Bài tập 3. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. ☐ Thời Đường, nhất là thời kì trị vì của Đường Thái Tông, đất nước phát triển, bộ máy nhà nước được hoàn chỉnh.

B. ☐ Sau khi nhà Tống sụp đổ, nhà Đường là triều đại cai trị ở Trung Quốc.

C. ☐ Các triều đại phong kiến Trung Quốc đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính các dân tộc nhỏ yếu hơn.

D. ☐ Dưới thời Minh – Thanh, Quảng Châu là một trong những thương cảng lớn nhất ở Trung Quốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

E. ☐ Thời Minh – Thanh, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa tuy đã xuất hiện nhưng chưa đủ sức chi phối mạnh mẽ kinh tế – xã hội Trung Quốc.

G. ☐ Tơ lụa là mặt hàng được giao thương chính và đầu tiên trên "con đường tơ lụa" thời phong kiến của Trung Quốc.

H. ☐ Bộ *Sử kí* của Tư Mã Thiên là tác phẩm nổi tiếng ở thời Đường.

Bài tập 4. Hãy lựa chọn từ/cụm từ cho sẵn: *Trung Quốc, Đông Nam Á, Minh, Tần, Viên Minh Viên, Tử Cấm Thành, La Quán Trung, Thi Nại Am, Ngô Thừa Ân, Tào Tuyết Cần* để hoàn thiện đoạn dữ liệu sau.

Từ thời cổ đại, ...(1)..... là nền văn minh lớn ở phương Đông với các triều đại phong kiến đạt đến sự cực thịnh như Đường, ...(2)....., Thanh. Đồng thời rất nhiều thành tựu được bảo tồn, kế thừa và phát triển trong giai đoạn từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

.....(3)..... – một cung điện lớn và là một trong những biểu tượng của Trung Quốc thời phong kiến.

Từ thời Nguyên đến thời Thanh, xuất hiện nhiều tiểu thuyết đồ sộ như: *Thuỷ hử* của .....(4)....., *Tam quốc diễn nghĩa* của .....(5)....., *Tây du kí* của .....(6)....., *Hồng lâu mộng* của .....(7)..... Những tiểu thuyết này có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học nước khác.

B Tự luận

Bài tập 1.

a) Hãy lập và hoàn thiện bảng (theo mẫu dưới đây) về những thành tựu văn hoá tiêu biểu trên các lĩnh vực chủ yếu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

Các lĩnh vực chủ yếu	Thành tựu tiêu biểu
Tư tưởng – tôn giáo	.....
Sử học – văn học	.....
Kiến trúc – điêu khắc	.....

b) Từ bảng thống kê ở trên, hãy nêu nhận xét về thành tựu văn hoá của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến thế kỉ XIX. Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 2. Có nhận định cho rằng: "Xã hội Trung Quốc dưới thời Đường đạt đến sự phồn thịnh". Em hãy lấy dẫn chứng trong SGK và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet để chứng minh cho nhận định đó.

Bài tập 3. Khai thác đoạn tư liệu và quan sát hình sau.

> **Tư liệu:** *Ở Nam Kinh thời Minh có khoảng 1 triệu người, Bắc Kinh có khoảng 600 nghìn người,... Trong thành phố có nhiều khu vực đặt tên theo nghề thủ công như Nam Kinh có phường Gốm, phường Đồng, phường Sắt,...*



Hình. Bức tranh Thanh minh thượng hà đồ – mô tả sự phát triển sầm uất của các thành thị ở Trung Quốc.

a) Em có nhận xét gì về kinh tế thời Minh – Thanh?

b) Em hãy cho biết kinh tế thời Minh – Thanh có điểm gì mới so với thời Đường?

Bài 5 ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Ấn Độ được thống nhất vào thời gian nào?*

A. 2 500 năm TCN.
C. Cuối thế kỉ III TCN.
B. 1 500 năm TCN.
D. Đầu thế kỉ IV.

1.2. *Sau thời kì phân tán (thế kỉ III TCN – thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất dưới thời Vương triều*

A. Gúp-ta.
C. Mô-gôn.
B. Đê-li.
D. Hác-sa.

1.3. *Ấn Độ bị thực dân Anh xâm lược vào*

A. giữa thế kỉ XVIII.
C. giữa thế kỉ XIX.
B. cuối thế kỉ XVIII.
D. cuối thế kỉ XIX.

1.4. *Vương triều Gúp-ta được gọi là thời kì hoàng kim của Ấn Độ vì*

A. kinh tế có những tiến bộ vượt bậc; đời sống của người dân ổn định, sung túc.
B. xã hội ổn định, đạo Phật tiếp tục phát triển mạnh.
C. nhiều công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo được xây dựng.
D. hoạt động thương mại trong nước được đẩy mạnh và Ấn Độ có quan hệ buôn bán với nhiều nước.

1.5. *Điểm chung nổi bật về sự thành lập của hai Vương triều Đê-li và Mô-gôn đó là*

A. đều do người Hồi giáo lập nên.
B. đều do người Thổ Nhĩ Kỳ thống trị.
C. đều do người Mông Cổ thống trị.
D. đều do các vương triều của người nước ngoài và theo Hồi giáo lập nên.

1.6. *Dưới sự trị vì của mình, A-cơ-ba (1566 – 1605) đã thi hành những biện pháp tiến bộ. Đó là biện pháp gì?*

A. Xoá bỏ Hồi giáo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B. Giành nhiều đặc quyền cho quý tộc gốc Mông Cổ.

C. Xoá bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá Ấn Độ.

D. Xây dựng chính quyền vững mạnh.

1.7. *Ý nào **không** đúng về chữ Phạn của Ấn Độ?*

A. Là ngôn ngữ – văn tự để sáng tác văn học, thơ ca.

B. Là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hin-đu thông dụng hiện nay ở Ấn Độ.

C. Trở thành ngôn ngữ – văn tự sáng tạo các bộ kinh "khổng lồ" của Ấn Độ.

D. Trở thành chữ viết của các quốc gia Đông Nam Á.

1.8. *Đặc điểm nổi bật về kiến trúc Ấn Độ là*

A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của ba tôn giáo là Hin-đu giáo, Phật giáo và Hồi giáo.

B. tiếp thu những nét tiêu biểu của kiến trúc phương Tây.

C. các công trình kiến trúc được xây dựng chủ yếu bằng gạch.

D. tất cả các đặc điểm trên.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. ☐ Dưới thời Vương triều Gúp-ta, công cụ bằng sắt chưa phổ biến.

B. ☐ Vương triều Đê-li thực hiện chính sách cấm đoán khắc nghiệt Hin-đu giáo.

C. ☐ Từ thời Vương triều Đê-li, Hồi giáo được phát triển thành một tôn giáo lớn ở Ấn Độ.

D. ☐ Vị vua kiệt xuất của Vương triều Mô-gôn là A-cơ-ba.

E. ☐ Vua A-cơ-ba đã xây dựng khối hoà hợp dân tộc trên cơ sở chỉ duy trì và phát triển Hồi giáo.

G. ☐ Chữ Phạn là nguồn gốc của chữ viết Hin-đi thông dụng của người Ấn Độ hiện nay.

Bài tập 3. Hãy ghép nội dung ở cột A với cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Vương triều Súp-ta	a) Kinh tế có những tiến bộ vượt bậc nhờ việc sử dụng phổ biến công cụ bằng sắt, xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi, buôn bán với nhiều nước trên thế giới,...
	b) Chia đất nước thành 15 tỉnh, cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương.
2. Vương triều Đê-li	c) Có biện pháp ngăn chặn sự bóc lột nặng nề của quý tộc đối với người dân.
	d) Tiến hành xâm chiếm các tiểu quốc ở Nam Ấn với hi vọng thành lập đế quốc Hồi giáo.
	e) Mâu thuẫn dân tộc gay gắt làm bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại triều đình.
3. Vương triều Mô-gôn	g) Đã thống nhất được phần lớn bán đảo Ấn Độ.

B Tự luận

Bài tập 1.

a) Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) những nội dung phù hợp về Vương triều Mô-gôn, Vương triều Đê-li.

Nội dung	Vương triều Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Tình hình chính trị	.....	.....
Tình hình kinh tế	.....	.....
Tình hình văn hoá – xã hội	.....	.....

b) Từ đó, em hãy cho biết đánh giá của mình về vị trí của Vương triều Đê-li và Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 2.

Khai thác đoạn tư liệu và quan sát hình sau.

> **Tư liệu:** *Cuốn sách "Phật quốc kí" của nhà sư Pháp Hiển (Trung Quốc) đã ghi chép về Ấn Độ thế kỉ V, ca ngợi sự khoan hoà của pháp luật, đời sống sung túc và tự do của dân chúng, ca tụng vẻ nguy nga, tráng lệ của thành phố và các lâu đài,... sự quan tâm của nhà vua đối với dân chúng qua việc lập các nhà an dưỡng, bệnh xá,...*



Hình. Cột sắt không gỉ

Em hãy:

a) Tìm những từ/cụm từ mô tả về đất nước Ấn Độ trong đoạn tư liệu.

b) Từ kết quả câu a, em có nhận xét gì về Ấn Độ dưới thời Vương triều Gúp-ta?

Bài tập 3.

Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ SGK hoặc sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu (10 – 15 câu) về một thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX mà em ấn tượng nhất.

CHƯƠNG 3 ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 6 CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vương quốc phong kiến nào ở Đông Nam Á được hình thành và phát triển từ thế kỉ VII đến nửa đầu thế kỉ X không còn tiếp tục phát triển trong giai đoạn này?*

A. Vương quốc Pa-gan.
C. Vương quốc Ha-ri-pun-giay-a.
B. Vương quốc Chăm-pa.
D. Vương quốc Phù Nam.

1.2. *Vào thế kỉ XIII, có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự ra đời một số vương quốc phong kiến mới và sự thống nhất một số vương quốc phong kiến nhỏ thành vương quốc lớn hơn ở Đông Nam Á,* ***ngoại trừ***

A. quân Mông – Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á.
B. nhiều tộc người bị quân xâm lược dồn đẩy xuống phía nam.
C. do nhu cầu liên kết các tộc người để lao động sản xuất.
D. do nhu cầu liên kết các quốc gia nhỏ, các tộc người để kháng chiến chống ngoại xâm.

1.3. *Sau khi quân Mông – Nguyên mở rộng xâm lược xuống Đông Nam Á (thế kỉ XIII), nhiều vương quốc mới đã được thành lập ở khu vực này,* ***ngoại trừ***

A. Vương quốc Su-khô-thay.
B. Vương quốc A-út-thay-a.
C. Vương quốc Lan Xang (Lào ngày nay).
D. Vương quốc Chăm-pa.

1.4. *Ý nào sau đây* ***không*** *phản ánh đúng tình hình chính trị của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?*

A. Bộ máy nhà nước dần được củng cố với sự tăng cường quyền lực của nhà vua.
B. Đất nước được chia thành nhiều tỉnh.

C. Hệ thống quan lại các cấp dần được hoàn chỉnh.

D. Luật pháp ngày càng hoàn thiện với sự xuất hiện của nhiều bộ luật.

1.5. *Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI?*

A. Nền nông nghiệp lúa nước phát triển.

B. Hoạt động giao lưu buôn bán bằng đường biển phát triển.

C. Kinh tế phát triển khá thịnh đạt.

D. Những mầm mống của nền kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa xuất hiện.

1.6. *Từ thế kỉ XIII, các tôn giáo được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á là*

A. Phật giáo tiểu thừa, Hồi giáo.

B. Đạo giáo, Phật giáo.

C. Đạo giáo, Hồi giáo.

D. Phật giáo và Ki-tô giáo.

1.7. *Nhiều công trình kiến trúc đền, tháp nổi tiếng đã được xây dựng ở các quốc gia Đông Nam Á giai đoạn này, **ngoại trừ***

A. khu đền tháp Ăng-co (Cam-pu-chia).

B. chùa Vàng (Thái Lan).

C. chùa Vàng (Mi-an-ma).

D. đền Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).

1.8. *Chữ Nôm của người Việt được cải biến từ loại chữ nào?*

A. Chữ Phạn của Ấn Độ.

B. Chữ Bra-mi của Ấn Độ.

C. Chữ Hán của Trung Quốc.

D. Chữ Hán của Trung Quốc và chữ Chăm cổ.

Bài tập 2. Hãy xác định các câu sau đúng hoặc sai về nội dung lịch sử.

A. Đầu thế kỉ XIII, chữ Thái được hình thành dựa trên hệ thống chữ Phạn của người Ấn Độ; chữ Lào ra đời vào khoảng thế kỉ XIV.

B. Từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI, ở Đông Nam Á chủ yếu phát triển dòng văn học dân gian.

C. Nhiều công trình kiến trúc đền, chùa, tháp,... ở Đông Nam Á trở thành di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng thế giới.

D. Nghệ thuật điêu khắc và tạc tượng thần, Phật, phù điêu ở Đông Nam Á là kết quả của sự tiếp thu văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. Hãy ghép hình ảnh các di tích lịch sử ở cột A với tên nước ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A



(1)



(2)



(3)



(4)

Cột B

Mi-an-ma

Cam-pu-chia

Lào

In-đô-nê-xi-a

Thái Lan

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về những thành tựu văn hoá tiêu biểu trên các lĩnh vực chủ yếu của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Các lĩnh vực chủ yếu	Thành tựu tiêu biểu
Chữ viết	.....
Văn học	.....
Tín ngưỡng – tôn giáo	.....
Kiến trúc, điêu khắc	.....

Bài tập 2. Qua các thành tựu văn hoá tiêu biểu trên, em hãy rút ra nhận xét về các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

Bài tập 3. Tìm hiểu thêm về một thành tựu văn hoá tiêu biểu của các nước Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI mà em ấn tượng nhất và viết bài (hoặc thiết kế đồ hoạ) giới thiệu về thành tựu đó.

Bài 7 VƯƠNG QUỐC LÀO

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Cư dân sống trên đất Lào là*

A. người Lào Thơng.
C. người Khơ-me.
B. người Lào Lùm.
D. người Lào Thơng và người Lào Lùm.

1.2. *Người thống nhất các mường Lào (1353), đặt tên nước là Lan Xang, mở ra thời kì phát triển thịnh vượng của Vương quốc Lào là*

A. Pha Ngừm.
C. Giay-a-vác-man II.
B. Khún Bolom.
D. Giay-a-vác-man VII.

1.3. *Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng vào khoảng thời gian*

A. thế kỉ X – XV.
C. thế kỉ XV – XVII.
B. thế kỉ XV – XVI.
D. thế kỉ XVI – XVIII.

1.4. *Ý nào* ***không*** *phản ánh đúng tình hình Vương quốc Lan Xang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt?*

A. Là quốc gia cường thịnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.

B. Đứng đầu vương quốc là vua, dưới vua có một phó vương và 7 quan đại thần kiêm tổng đốc 7 tỉnh.

C. Cuộc sống của cư dân sung túc, thanh bình.

D. Luôn giữ quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng nhưng cũng cương quyết chống lại sự xâm lược.

Bài tập 2. Hãy xác định các câu sau đây đúng hoặc sai về nội dung lịch sử.

A. Dưới thời phong kiến, người Lào đã xây dựng được một nền văn hoá riêng của mình.

B. Người Lào đã sáng tạo ra hệ thống chữ viết riêng trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của người Chăm-pa.

C. Người Lào đã sáng tạo ra những điệu múa vui tươi, cởi mở.

D. Nhiều công trình kiến trúc Ấn Độ giáo được xây dựng, tiêu biểu là Thạt Luổng.

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng thông tin (theo mẫu dưới đây) về Vương quốc Lào thời kì Lan Xang.

Nội dung	Thông tin
Bộ máy nhà nước	.....
Kinh tế, xã hội	.....
Ngoại giao	.....

Bài tập 2. Từ kết quả của bài tập 1, hãy cho biết nhận xét của em về sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.

Bài tập 3. Hãy phát biểu suy nghĩ của em về các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Lào thời kì Lan Xang.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8 VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vương quốc Cam-pu-chia được hình thành từ*

A. thế kỉ V.
C. thế kỉ IX.
B. thế kỉ VI.
D. thế kỉ XIII.

1.2. *Thời kì phát triển nhất của Vương quốc Cam-pu-chia là*

A. thời kì kinh đô Cam-pu-chia đóng ở Ăng-co (802 – 1432).
B. thời kì trị vì của vua Giay-a-vác-man II.
C. thế kỉ XIII.
D. từ khi kinh đô chuyển về phía nam Biển Hồ.

1.3. *Ý nào **không** phản ánh đúng sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co?*

A. Vương triều tăng cường củng cố quyền lực.
B. Nhà vua quan tâm đến đời sống nhân dân, thực hiện nhiều hoạt động công ích như lập cơ sở khám, chữa bệnh; mở đường giao thông;...
C. Nhiều hồ, kênh mương được xây dựng tạo cơ sở cho nông nghiệp phát triển.
D. Người Khơ-me đã giành chiến thắng trước sự tấn công của người Thái vào thế kỉ XV.

1.4. *Các vị vua Cam-pu-chia thời Ăng-co đã tiến hành nhiều cuộc tấn công ra bên ngoài nhưng **không** bao gồm lãnh thổ nào?*

A. Vùng hạ lưu sông Chao Phray-a (Thái Lan ngày nay).
C. Chăm-pa
B. Vùng trung lưu sông Mê Công (Lào ngày nay).
D. Trung Quốc.

1.5. *Nét nổi bật nhất của văn hoá Lào và văn hoá Cam-pu-chia là*

A. đều chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ.
B. đều có hệ thống chữ viết riêng.

C. biết tiếp thu sáng tạo những thành tựu văn hoá từ bên ngoài, kết hợp với nét đặc sắc truyền thống văn hoá bản địa để xây dựng nền văn hoá riêng rất đặc sắc.

D. có nhiều công trình kiến trúc đền, tháp nổi tiếng.

Bài tập 2. Hãy xác định các câu sau đúng hoặc sai về nội dung lịch sử.

A. Người Khơ-me có nhiều tín ngưỡng dân gian: tín ngưỡng phồn thực, tục cầu mưa,...

B. Bên cạnh Hin-đu giáo thì Phật giáo cũng được đề cao ở Vương quốc Cam-pu-chia.

C. Chữ viết của người Khơ-me ngày càng hoàn chỉnh.

D. Văn học dân gian, văn học viết của người Khơ-me với các truyện thần thoại, truyện cười, truyện thơ,... rất phong phú.

E. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Lào rất phát triển với các thành tựu nổi bật như: chùa Vàng, Thạt Luổng,...

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng thông tin (theo mẫu dưới đây) về sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

Các lĩnh vực	Biểu hiện phát triển
Về chính trị, xã hội	.....
Về kinh tế	.....
Về đối ngoại	.....

Bài tập 2. Qua bảng thống kê trên, hãy nêu nhận xét về sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

Bài tập 3. Em hãy nêu nhận xét của mình về các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Cam-pu-chia thời kì Ăng-co.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 4 ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (939 – 1009)

Bài 9 ĐẤT NƯỚC BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP (939 – 967)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Ý nào **không** phản ánh đúng việc làm của Ngô Quyền để khôi phục nền độc lập dân tộc?*

A. Bỏ chức tiết độ sứ của phong kiến phương Bắc.

B. Xưng vương.

C. Đóng đô ở Cổ Loa.

D. Đặt tên nước.

1.2. *Những việc làm của Ngô Quyền đã thể hiện điều gì?*

A. Tư tưởng cát cứ.

B. Tinh thần độc lập, tự chủ.

C. Sự thần phục đối với nhà Nam Hán.

D. Sự phục hưng mạnh mẽ của dân tộc.

1.3. *Những việc làm của Ngô Quyền có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước?*

A. Đánh dấu quá trình dựng nước bắt đầu.

B. Nền độc lập dân tộc được khẳng định.

C. Tạo ra nền tảng cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

D. Nền độc lập dân tộc được khẳng định và tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này.

1.4. *Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào tình trạng cát cứ của 12 sứ quân vì*

A. sự xúi giục và hỗ trợ của nhà Nam Hán.

B. chính quyền trung ương nhà Ngô suy yếu.

C. đời sống khổ cực nên nhân dân các nơi đã nổi dậy đấu tranh.

D. các quan lại ngoại thích lộng quyền.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.5. *Để dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, Đinh Bộ Lĩnh đã áp dụng biện pháp nào?*

A. Biện pháp vừa mềm dẻo vừa cứng rắn.

B. Biện pháp cứng rắn.

C. Biện pháp thuyết phục.

D. Biện pháp mềm dẻo.

1.6. *Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào?*

A. Đập tan tư tưởng cát cứ, chia rẽ.

B. Thống nhất đất nước, tạo tiền đề xây dựng và phát triển đất nước về sau.

C. Khiến phong kiến Trung Quốc phải kiêng nể.

D. Tạo điều kiện để mở rộng lãnh thổ đất nước.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử.

A. ☐ Chính quyền trung ương dưới thời Ngô do vua đứng đầu. Nhà vua có quyền quyết định mọi việc ở trung ương.

B. ☐ Thời Ngô, dưới vua có các quan văn, võ, phụ trách từng công việc.

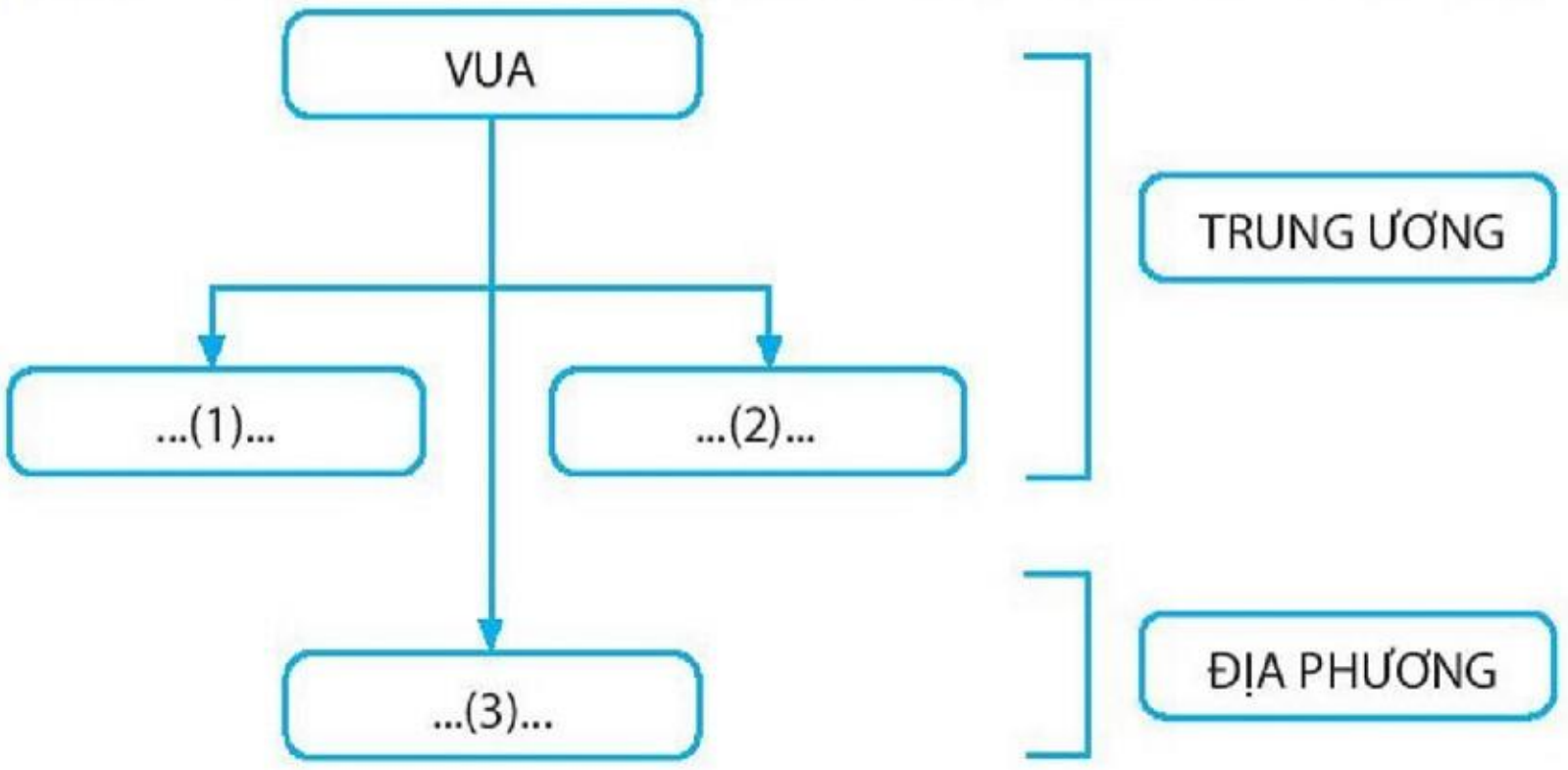
C. ☐ Thời Ngô, ở địa phương vua giao cho các tướng lĩnh trấn giữ các châu quan trọng.

D. ☐ Thời Ngô, tổ chức chính quyền từ trung ương đến địa phương được xây dựng hoàn chỉnh.

E. ☐ Thời Ngô, đất nước được yên bình, văn hoá dân tộc được chú ý khôi phục.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. Hãy vẽ và hoàn thiện sơ đồ bộ máy tổ chức thời Ngô (theo mẫu dưới đây).



Bài tập 4. Hãy xác định ý trả lời đúng về nguyên nhân Đinh Bộ Lĩnh chấm dứt được tình trạng cát cứ của 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

A. Do đáp ứng yêu cầu khách quan của đất nước.

B. Đinh Bộ Lĩnh là vị thủ lĩnh có tài, lại được nhân dân ủng hộ.

C. Thế lực của các sứ quân đã suy yếu.

D. Đinh Bộ Lĩnh có đội quân đông và được trang bị vũ khí đầy đủ.

B Tự luận

Bài tập 1. Có ý kiến cho rằng: "Ngô Quyền đã khẳng định được nền độc lập của dân tộc và tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này". Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

Bài tập 2. Những việc làm của Ngô Quyền sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có gì khác với những việc làm của Khúc Thừa Dụ sau khi khởi nghĩa thành công năm 905?

Bài tập 3. Hãy cho biết suy nghĩ của em về Đinh Bộ Lĩnh và công cuộc thống nhất đất nước của ông.

Bài 10 ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH VÀ TIỀN LÊ (968 – 1009)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Ý nào sau đây **không** phải việc làm của Đinh Bộ Lĩnh sau khi hoàn thành thống nhất đất nước?*

A. Lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng).

B. Đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình.

C. Đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội).

D. Kiện toàn thêm một bước chính quyền ở trung ương và địa phương.

1.2. *Người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981 là*

A. Đinh Bộ Lĩnh.

B. Đinh Toàn.

C. Lê Hoàn.

D. Lý Thường Kiệt.

1.3. *Quan sát lược đồ hình 1 (tr. 49, SGK) và cho biết quân Tống bị quân ta đánh bại ở đâu?*

A. Hoa Lư, Đại La.

B. Lạng Sơn, Chi Lăng.

C. Lục Đầu Giang, sông Bạch Đằng.

D. Đại La, Lục Đầu Giang, sông Bạch Đằng, Tây Kết.

1.4. *Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 981?*

A. Thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.

B. Làm cho nhà Tống và các triều đại phong kiến phương Bắc sau này ở Trung Quốc không dám sang xâm lược nước ta nữa.

C. Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

D. Chứng tỏ bước phát triển mới của quốc gia Đại Cồ Việt.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. ☐ Thời Đinh, tổ chức bộ máy nhà nước dần được kiện toàn thêm một bước.

B. ☐ Đứng đầu triều đình nhà Đinh ở trung ương là hoàng đế, giúp việc có Ban Văn, Võ và cao tăng.

C. ☐ Dưới thời Đinh – Tiền Lê, Nho giáo đã trở thành hệ tư tưởng chính thống.

D. ☐ Đinh Tiên Hoàng phong vương cho hoàng tử và cử tướng lĩnh thân cận nắm giữ các chức vụ chủ chốt.

E. ☐ Chính quyền địa phương thời Đinh gồm các cấp: đạo (châu), giáp, xã.

G. ☐ Các loại hình văn hoá dân gian phổ biến thời Đinh – Tiền Lê là hát chèo, tuồng và ca trù.

H. ☐ Đinh Tiên Hoàng cho đúc tiền để lưu hành trong nước.

I. ☐ Nhà Đinh tổ chức quân đội gồm cấm quân và quân địa phương.

Bài tập 3. Hãy xác định ý trả lời đúng cho các câu hỏi sau.

3.1. *Việc Đinh Bộ Lĩnh là người Việt đầu tiên xưng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đặt niên hiệu là Thái Bình đã chứng tỏ điều gì?*

A. Khẳng định Đại Cồ Việt là một nước lớn.

B. Khẳng định người Việt có giang sơn, bờ cõi riêng.

C. Khẳng định Đại Cồ Việt ngang hàng với nước Tống (ở Trung Quốc).

D. Khẳng định Đại Cồ Việt không phụ thuộc vào bất cứ nước nào.

3.2. *Ý nào sau đây **không** đúng về tổ chức chính quyền thời Tiền Lê?*

A. Vua đứng đầu chính quyền trung ương, nắm mọi quyền hành quân sự và dân sự.

B. Dưới vua là các quan đại thần (văn, võ).

C. Các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.

D. Địa phương gồm các cấp lộ (phủ/châu), giáp, xã.

E. Các quan lại ở địa phương đã được sắp xếp hoàn chỉnh.

3.3. *Ý nào sau đây **không** phải là việc làm của Lê Hoàn (Lê Đại Hành) sau khi lập ra nhà Tiền Lê?*

A. Đổi niên hiệu là Thiên Phúc, tiếp tục công cuộc xây dựng quốc gia độc lập.

B. Đổi tên nước là Đại Việt.

C. Định ra luật lệnh.

D. Tăng cường quan hệ ngoại giao với nhà Tống.

E. Xây dựng quân đội gồm hai bộ phận: cấm quân và quân đóng tại địa phương, chú trọng xây dựng thuỷ quân.

Bài tập 4. Hãy ghép thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp về các tầng lớp xã hội thời Đinh – Tiền Lê.

Cột A	Cột B
1. Thống trị	a) Nông dân (đông đảo, cày cấy ruộng công làng xã)
	b) Người làm nghề buôn bán nhỏ
	c) Vua
	d) Thợ thủ công
2. Bị trị	e) Quan lại
	g) Nô tì (địa vị thấp kém nhất, chiếm số lượng không nhiều trong xã hội)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B Tự luận

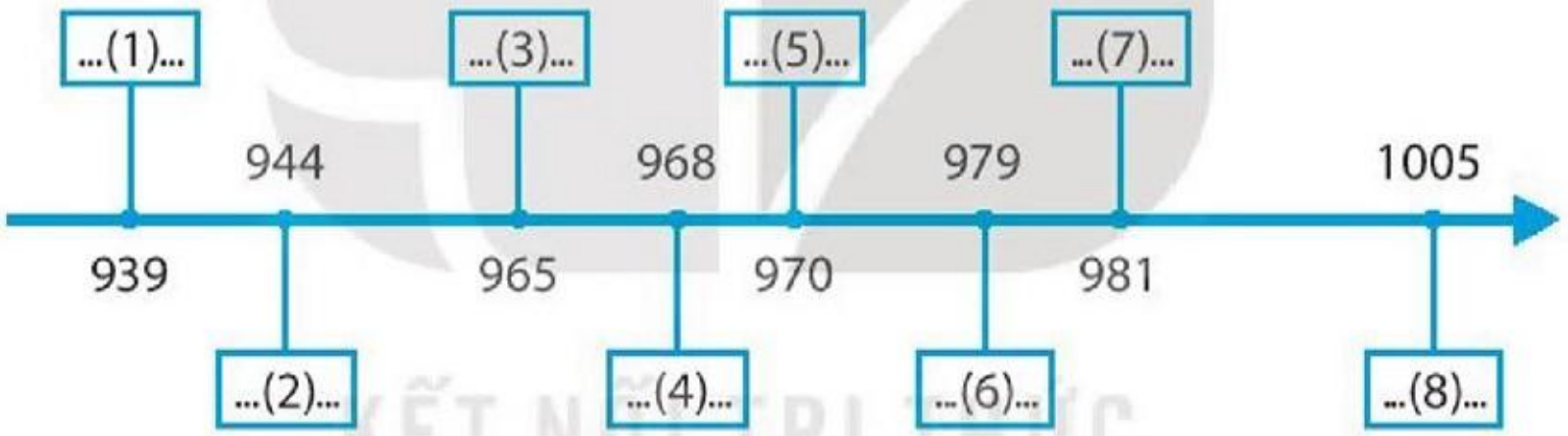
Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về tình hình tổ chức chính quyền, xã hội, văn hoá thời Đinh – Tiền Lê.

Nội dung	Thời Đinh	Thời Tiền Lê
Tổ chức chính quyền	.....	.....
Tình hình xã hội	.....	
Đời sống văn hoá	.....	

Bài tập 2. Em hãy so sánh tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê với thời Ngô.

Bài tập 3. Trình bày tóm tắt những đóng góp của Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ở thế kỉ X.

Bài tập 4. Hãy lập và hoàn thành trục thời gian (theo mẫu dưới đây) về những sự kiện chính diễn ra trong thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 5 ĐẠI VIỆT THỜI LÝ – TRẦN – HỒ (1009 – 1407)

Bài 11 NHÀ LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC (1009 – 1225)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Người sáng lập ra nhà Lý là*

A. Lê Hoàn.
C. Sư Vạn Hạnh.
B. Lý Thường Kiệt.
D. Lý Công Uẩn.

1.2. *Ý nào dưới đây **không** phải là việc làm của Lý Công Uẩn sau khi thành lập triều Lý?*

A. Đặt niên hiệu là Thuận Thiên.
B. Quyết định dời đô từ Hoa Lư về Đại La (Thăng Long, Hà Nội).
C. Xây dựng các cung điện ở khu vực trung tâm của kinh thành.
D. Đổi tên nước là Đại Việt.

1.3. *Kinh thành Thăng Long gồm*

A. Cấm thành, Hoàng thành, La thành.
B. Cấm thành, Hoàng thành.
C. La thành, Cấm thành.
D. Tử Cấm thành, Hoàng thành, La thành.

1.4. *Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa sự kiện dời đô từ Hoa Lư về Đại La của Lý Công Uẩn?*

A. Khẳng định vị thế của Thăng Long – Hà Nội trong lịch sử dân tộc.
B. Tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.
C. Mở ra thời kì mới trong sự phát triển của dân tộc.
D. Góp phần xây dựng quốc gia thống nhất.

1.5. *Ý nào dưới đây **không** phải là chính sách của nhà Lý trong việc xây dựng quân đội?*

A. Xây dựng quân đội với kỉ luật nghiêm minh, huấn luyện chu đáo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B. Xây dựng quân đội với hai bộ phận: cấm quân và quân địa phương.

C. Quân đội được trang bị nhiều vũ khí hiện đại.

D. Thi hành chính sách "ngụ binh ư nông".

1.6. *Bộ luật được ban hành năm 1042 dưới thời Lý là*

A. Hình thư.

B. Quốc triều hình luật.

C. Hình luật.

D. Hoàng Việt luật lệ.

1.7. *Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng về chính sách đối ngoại của nhà Lý?*

A. Giữ quan hệ hoà hiếu với nhà Tống.

B. Cho nhân dân hai bên biên giới qua lại tự do.

C. Đưa quan hệ giữa Đại Việt với Chăm-pa trở lại bình thường.

D. Chấm dứt quan hệ bang giao với nhà Tống.

1.8. *Hằng năm, các vua Lý thường về các địa phương làm lễ tịch điền nhằm mục đích gì?*

A. Khuyến khích nhân dân sản xuất nông nghiệp.

B. Quản lí việc sản xuất nông nghiệp.

C. Đẩy mạnh việc khai khẩn đất hoang.

D. Góp phần nâng cao uy tín của nhà vua, triều đình.

1.9. *Nhà Lý lập nơi trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài ở nhiều nơi, trong đó có*

A. kinh thành Thăng Long.

B. cảng biển Vân Đồn.

C. Phố Hiến.

D. Thanh Hà.

1.10. *Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình tư tưởng – tôn giáo thời Lý?*

A. Phật giáo được các vua Lý tôn sùng và truyền bá rộng rãi trong nhân dân.

B. Nho giáo bắt đầu được mở rộng.

C. Nho giáo chưa có vai trò trong đời sống xã hội.

D. Đạo giáo được truyền bá, kết hợp với các tín ngưỡng dân gian.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử.

A. ☐ Chính quyền trung ương và địa phương thời Lý ngày càng kiện toàn hơn.

B. ☐ Thời Lý, đứng đầu chính quyền trung ương là vua; dưới vua có các quan đại thần (quan văn, quan võ).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

C. ☐ Thời Lý, vua ở ngôi theo chế độ "cha truyền con nối".

D. ☐ Ở địa phương, nhà Lý chia cả nước thành 12 lộ (phủ/châu) và đặt các chức quan tri phủ, tri châu.

E. ☐ Để củng cố quốc gia thống nhất, nhà Lý đã thực hiện các chính sách đối nội, đối ngoại mềm dẻo nhưng kiên quyết.

G. ☐ Nhà Lý kiên quyết trấn áp những thế lực có mưu đồ tách khỏi Đại Việt.

H. ☐ Nhà Lý thần phục nhà Tống và Chăm-pa.

I. ☐ Quốc Tử Giám là nơi học tập của con em quý tộc, sau đó mở rộng đến con em quan lại và những người giỏi trong nước.

Bài tập 3. Hãy ghép thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Cấm quân	a) Được tuyển chọn từ các làng xã.
2. Quân địa phương	b) Để bảo vệ các lộ, phủ.
	c) Được tuyển chọn chặt chẽ trong cả nước.
	d) Để bảo vệ vua và kinh thành.
	e) Được huy động khi đất nước có chiến tranh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 4. Hãy lựa chọn các từ/cụm từ cho sẵn: *vua, quan lại, quý tộc, phân hoá, tập trung, địa chủ, lĩnh canh, thấp kém, cao quý, triều đình* để hoàn thành đoạn dữ liệu sau.

Xã hội thời Lý có xu hướng .....(1)..... Tầng lớp quý tộc (....(2)...,.....(3).....) có nhiều đặc quyền. Một số ít dân thường có nhiều ruộng đất trở thành ...(4).... Nông dân chiếm đa số trong dân cư, nhận ruộng đất công làng xã để cày cấy và nộp thuế; một số phải .....(5)..... ruộng đất và nộp tô cho địa chủ. Thợ thủ công và thương nhân khá đông đảo. Nô tì có địa vị .....(6)..... nhất, phục vụ trong .....(7)..... và gia đình quan lại.

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng thống kê (theo mẫu dưới đây) về những thành tựu văn hoá, giáo dục tiêu biểu của thời Lý.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Tôn giáo	.....
Văn học	.....
Kiến trúc – điêu khắc	.....
Giáo dục	.....

Bài tập 2. Khai thác các đoạn thông tin sau, em hãy:

• Mùa xuân năm 1038, vua Lý Thái Tông ra Bố Hải Khẩu (Thái Bình) cày tịch điền. Vua đích thân tế Thần Nông rồi tự cày những đường đầu tiên. Có người can rằng: "Đó là công việc của nông phu, bệ hạ việc gì làm thế". Vua nói: "Trẫm không tự mình cày cấy thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì cho thiên hạ noi theo".

• Năm 1040, vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc. Sau đó vua xuống chiếu phát hết gấm vóc của nước Tống ở trong kho để may áo ban cho các quan... để tỏ ra vua không dùng gấm vóc nước Tống nữa.

a) Em có nhận xét gì về chính sách của nhà Lý về nông nghiệp, thủ công nghiệp?

b) Những chính sách đó có tác dụng gì?

Bài tập 3. Em hãy tìm hiểu và lí giải vì sao Lý Công Uẩn lại được tôn lên làm vua sau khi vua Lê Long Đĩnh mất.

Bài tập 4. So sánh và cho biết tổ chức nhà nước thời Lý có điểm gì khác so với thời Đinh – Tiền Lê. Qua đó chứng tỏ điều gì về tổ chức nhà nước thời Lý?

Bài tập 5.

a) Em hãy trình bày ý nghĩa của việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám, qua đó thể hiện truyền thống nào của dân tộc?

b) Liên hệ và cho biết hiện nay có những hoạt động nào vẫn được tổ chức tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám thể hiện sự kế tục truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 12 CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG (1075 – 1077)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Ý nào **không** phản ánh đúng việc làm của nhà Lý trước âm mưu xâm lược của nhà Tống (Trung Quốc)?*

A. Cử Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy cuộc kháng chiến.

B. Chủ động tiến hành các biện pháp đối phó.

C. Đập tan ý đồ phối hợp tiến công của quân Tống với Chăm-pa.

D. Triệu tập Hội nghị Bình Than (Bắc Ninh) để bàn kế sách đánh giặc.

1.2. *Nét độc đáo trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống giai đoạn thứ nhất (năm 1075) là*

A. tích cực luyện tập quân sĩ.

B. cho quân mai phục, sẵn sàng chiến đấu.

C. chủ động thực hiện chủ trương "tiến công trước để tự vệ".

D. chặn các ngả đường mà quân xâm lược có thể tiến vào.

1.3. *Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc tấn công sang đất Tống của quân nhà Lý?*

A. Phá được các kho lương thảo, vũ khí của quân Tống.

B. Đẩy kẻ thù vào thế bị động, tạo điều kiện có lợi để đánh bại khi chúng kéo sang xâm lược nước ta.

C. Thể hiện sức mạnh của quân dân Đại Việt.

D. Làm thất bại ý đồ tấn công nước ta của quân Tống.

1.4. *Ý nào sau đây **không** phải là kế sách của Lý Thường Kiệt khi chuẩn bị kháng chiến ở giai đoạn thứ hai (năm 1077)?*

A. Hạ lệnh cho các tù trưởng dân tộc ít người gần biên giới bố trí quân đánh chặn để kiềm chế, tiêu hao sinh lực địch.

B. Bố trí lực lượng thuỷ binh ở vùng Đông Bắc, phá kế hoạch phối hợp quân thuỷ – bộ của giặc.

C. Thực hiện kế hoạch "vườn không nhà trống", quân dân rút khỏi Thăng Long.

D. Xây dựng phòng tuyến kiên cố, bố trí lực lượng đóng giữ ở bờ nam sông Như Nguyệt.

1.5. *Lý Thường Kiệt quyết định xây dựng phòng tuyến chống quân Tống ở bờ nam sông Như Nguyệt vì*

A. sông Như Nguyệt vừa rộng và sâu nên quân giặc khó có thể vượt qua.

B. địa hình bên bờ bắc của sông Như Nguyệt không thuận lợi cho quân ta phòng ngự.

C. sông Như Nguyệt như một chiến hào tự nhiên khó có thể vượt qua.

D. sông Như Nguyệt có vị trí hiểm yếu, chặn ngang con đường bộ tiến vào Thăng Long.

1.6. *Tướng giặc chỉ huy cánh quân bộ xâm lược Đại Việt là*

A. Quách Quỳ.

B. Toa Đô.

C. Ô Mã Nhi.

D. Hoà Mâu.

1.7. *Nét độc đáo trong cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt là*

A. giả thua để cho quân giặc kiêu căng rồi bất ngờ phản công tiêu diệt chúng.

B. giam chân địch ở phía bờ bắc sông Như Nguyệt khiến chúng cạn kiệt lương thực, rệu rã tinh thần rồi bất ngờ mở trận tấn công quyết định.

C. kết hợp tấn công quân sự với vận động tâm lí để làm nhụt ý chí xâm lược của quân Tống.

D. khi địch lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng thì chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh.

1.8. *Ý nào **không** phản ánh đúng tác dụng trong cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt?*

A. Tránh được sự hi sinh xương máu của quân sĩ.

B. Bảo toàn được lực lượng của quân ta.

C. Làm cho quân Tống phải từ bỏ mộng xâm lược Đại Việt.

D. Góp phần giữ được mối quan hệ bang giao giữa Đại Việt và Tống.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. ☐ Trận quyết chiến chiến lược trên phòng tuyến sông Như Nguyệt đã đánh tan cuộc xâm lược của quân Tống.

B. ☐ Chiến thắng Như Nguyệt đã bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

C. ☐ Chiến thắng Như Nguyệt đã thể hiện tinh thần đoàn kết, quyết tâm chống ngoại xâm của nhân dân Đại Việt.

D. ☐ Chiến thắng Như Nguyệt thể hiện sự lãnh đạo tài ba của Lý Công Uẩn.

B Tự luận

Bài tập 1. Dựa vào kiến thức đã học, hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) để làm rõ những điểm khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ X và thế kỉ XI.

Nội dung	Cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ X	Cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ XI
Thời gian	.....	.....
Người lãnh đạo	.....	.....
Kết quả	.....	.....
Ý nghĩa	.....	.....

Bài tập 2. Em có nhận xét gì về việc quyết định xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt?

Bài tập 3. Hãy tìm những dẫn chứng trong bài học thể hiện vai trò và sự lãnh đạo tài ba của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 1075 – 1077.

Bài tập 4. Theo em, cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Lý đã để lại những bài học gì cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 13 ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (1226 – 1400)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vị vua Lý nào nhường ngôi cho Trần Cảnh, mở ra triều đại nhà Trần?*

A. Lý Anh Tông.
C. Lý Chiêu Hoàng.
B. Lý Cao Tông.
D. Lý Huệ Tông.

1.2. *Nhà Trần thay nhà Lý có ý nghĩa như thế nào?*

A. Củng cố chế độ quân chủ trung ương tập quyền vững mạnh.
B. Tạo điều kiện cho nền quân chủ phát triển vững mạnh.
C. Làm cho chế độ phong kiến suy sụp.
D. Chứng tỏ nhà Trần mạnh hơn nhà Lý.

1.3. *Điểm giống nhau về tổ chức quân đội thời Lý với thời Trần là*

A. thực hiện chính sách "ngụ binh ư nông".

B. thực hiện nền quốc phòng toàn dân.

C. xây dựng theo hướng "đông đảo, tinh nhuệ".

D. xây dựng theo hướng "cốt tinh nhuệ, không cốt đông".

1.4. *Ý nào* ***không*** *phản ánh đúng những chủ trương, biện pháp để phục hồi và phát triển kinh tế của nhà Trần?*

A. Tích cực khai hoang, giảm tô thuế cho nhân dân.

B. Đắp đê phòng lụt, xây dựng các công trình thuỷ lợi.

C. Lập điền trang.

D. Cày ruộng tịch điền.

1.5. *Các chức quan trông coi về nông nghiệp thời Trần là*

A. Thái y viện, Quốc sử viện.

B. Hà đê sứ, Khuyến nông sứ.

C. Đồn điền sứ, Hà đê sứ, Khuyến nông sứ.

D. Khuyến nông sứ, Tôn nhân phủ.

1.6. *Biểu hiện nào cho thấy dưới thời Trần hoạt động sản xuất thủ công nghiệp đã bước đầu mang tính chuyên môn hoá?*

A. Hình thành các công trường thủ công.

B. Xuất hiện nhiều thợ thủ công giỏi.

C. Xuất hiện nhiều làng nghề, phường nghề thủ công.

D. Trình độ kĩ thuật được nâng cao.

1.7. *Địa danh nào thời Trần trở thành nơi buôn bán tấp nập, thu hút nhiều thuyền buôn và thương nhân nước ngoài đến trao đổi hàng hoá?*

A. Thăng Long.

B. Chương Dương.

C. Vân Đồn.

D. Phố Hiến.

1.8. *Tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội thời Trần là*

A. nông dân.

B. thợ thủ công.

C. thương nhân.

D. nông nô, nô tì.

1.9. *Nội dung nào sau đây* ***không*** *phản ánh đúng chính sách của nhà Trần đối với giáo dục?*

A. Quốc Tử Giám được mở rộng để đào tạo con em quý tộc, quan lại.

B. Nhiều trường tư được khuyến khích thành lập.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

C. Các kì thi Nho học được tổ chức quy củ.

D. Dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu.

1.10. *Vì sao văn học thời Trần mang đậm tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc?*

A. Do nền kinh tế phát triển, tinh thần tự cường của dân tộc dâng cao.

B. Do đất nước liên tục phải đương đầu và giành chiến thắng trước các cuộc xâm lược của kẻ thù.

C. Do nền văn hoá dân tộc được xây dựng và phát triển mạnh.

D. Do Đại Việt vươn lên trở thành cường quốc hùng mạnh nhất Đông Nam Á.

1.11. *Những công trình kiến trúc nổi tiếng nào đã được xây dựng vào thời Trần?*

A. Tháp Phổ Minh, chùa Một Cột.

B. Tháp Phổ Minh, thành Tây Đô.

C. Tháp Phổ Minh, chùa Thiên Mụ.

D. Tháp Phổ Minh, chùa Tây Phương.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử.

A. ☐ Bộ máy chính quyền trung ương và địa phương thời Trần được hoàn thiện hơn thời Lý.

B. ☐ Các vua Trần sau khi nhường ngôi cho con, xưng Thái Thượng hoàng và không tham gia vào việc quản lí đất nước.

C. ☐ Nhà Trần chia cả nước thành 12 lộ, phủ. Nhiều tôn thất họ Trần nắm giữ các vị trí trọng yếu.

D. ☐ Nhà Trần tăng cường quản lí các địa phương, nhất là các khu vực miền núi và miền biên viễn.

E. ☐ Dòng thiền Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập.

G. ☐ Các kì thi Nho học dưới thời Trần chưa được tổ chức quy củ.

Bài tập 3. Hãy ghép công trình ở cột A với địa phương ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1. Tháp Phổ Minh	a) Quảng Ninh
2. Thành Tây Đô	b) Nam Định
3. Hoàng Thành	c) Thanh Hoá
4. Khu lăng mộ các vua Trần	d) Hà Nội

B Tự luận

Bài tập 1. Xã hội thời Trần tiếp tục có sự phân hoá. Em hãy hoàn thành sơ đồ (theo mẫu dưới đây) về đặc điểm của từng tầng lớp xã hội thời Trần.



Bài tập 2. Văn học chữ Hán và chữ Nôm thời Trần rất phát triển. Hãy hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về một số tác giả và tác phẩm văn học tiêu biểu mà em biết.

Tác giả	Tác phẩm tiêu biểu
.....	.....

Bài tập 3. Trình bày tóm lược sự phát triển của giáo dục từ thời Lý đến thời Trần và nêu nhận xét của em.

Bài tập 4. Hãy chọn những từ, cụm từ phù hợp để hoàn thiện các câu dưới đây.

a) Quốc Tử Giám.....

b) Một số bộ sử lớn được biên soạn dưới thời Trần là:.....

c) *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* là những tác phẩm quân sự của .....

d) .....là thầy thuốc nổi tiếng nhất thời Trần, chuyên nghiên cứu và viết sách về y học.

Bài tập 5.

a) Kể tên một số thành tựu văn hoá Đại Việt thời Trần và cho biết thành tựu nào còn được bảo tồn đến ngày nay.

Thành tựu	Thành tựu còn được bảo tồn đến ngày nay
.....	.....

b) Là một học sinh, theo em cần phải làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của thành tựu đó?

Bài 14 BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của quân dân nhà Trần diễn ra vào các năm*

A. 1257, 1258, 1287 – 1288.
C. 1257, 1285, 1287 – 1288.
B. 1257, 1258, 1287.
D. 1258, 1285, 1287 – 1288.

1.2. *Trận phản công nào của quân dân nhà Trần đã đánh bại cuộc xâm lược của quân Mông Cổ năm 1258?*

A. Tây Kết.
C. Đông Bộ Đầu.
B. Chương Dương.
D. Bình Lệ Nguyên

1.3. *Năm 1258, khi quân Mông Cổ tiến vào Thăng Long, quân dân nhà Trần đã làm gì?*

A. Thi hành kế sách "vườn không nhà trống".
B. Quyết tâm chiến đấu để bảo vệ kinh thành.
C. Thực hiện chiến thuật đánh du kích.
D. Thực hiện kế sách tạm hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng.

1.4. *Vị tướng nào được vua Trần cử làm Quốc công tiết chế – tổng chỉ huy các lực lượng kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285?*

A. Trần Thủ Độ.
C. Trần Quốc Tuấn.
B. Trần Quang Khải.
D. Trần Khánh Dư.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.5. *Nhân tố quan trọng nhất để xây dựng khối đoàn kết giữa triều đình với nhân dân là gì?*

A. Nhà Trần chăm lo sức dân, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của toàn dân.

B. Nhà Trần chủ động giải quyết những bất hoà trong nội bộ vương triều.

C. Nhà Trần chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

D. Quân và dân nhà Trần có tinh thần quyết chiến quyết thắng.

1.6. *Yếu tố tự nhiên nào đã được Trần Quốc Tuấn khai thác triệt để trong trận Bạch Đằng năm 1288?*

A. Sự lên xuống của thuỷ triều.

B. Sự suy yếu của quân Mông – Nguyên.

C. Cây cối hai bên bờ sông rậm rạp dễ bề mai phục.

D. Con đường rút lui về Thăng Long thuận lợi.

1.7. *Tướng giặc nào chỉ huy quân Mông Cổ tiến vào xâm lược Đại Việt năm 1258?*

A. Toa Đô.

B. Thoát Hoan.

C. Ngột Lương Hợp Thai.

D. Ô Mã Nhi.

1.8. *Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên của quân dân Đại Việt?*

A. Bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc , chủ quyền quốc gia.

B. Đóng góp vào truyền thống và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

C. Ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, góp phần làm suy yếu đế chế Nguyên.

D. Đưa Đại Việt trở thành nước hùng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á.

1.9. *Nhà Trần khi thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" **không** nhằm mục đích nào sau đây?*

A. Tránh sức mạnh ban đầu của quân Mông Cổ.

B. Khoét sâu vào điểm yếu của quân Mông Cổ.

C. Củng cố lực lượng chờ phản công.

D. Đánh nhanh thắng nhanh.

1.10. *Hội nghị Diên Hồng do nhà Trần tổ chức đã triệu tập những thành phần nào để bàn kế hoạch đánh giặc?*

A. Các quan lại cao cấp.

B. Các vương hầu, quý tộc.

C. Toàn bộ nhân dân Thăng Long.

D. Các bô lão có uy tín.

1.11. *"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng." Liên hệ với kiến thức môn Ngữ văn và cho biết đoạn trích trên thuộc tác phẩm nào?*

A. Binh thư yếu lược.
C. Hịch tướng sĩ.
B. Bình Ngô đại cáo.
D. Bạch Đằng giang phú.

Bài tập 2. Hãy lựa chọn các từ/cụm từ cho sẵn: *đồng lòng, anh dũng, hoà thuận, góp sức, đoàn kết* để hoàn thành câu sau cho đúng với quan điểm của Trần Quốc Tuấn.

"Vua tôi .....(1)....., anh em .....(2)....., cả nước .....(3)....., nên bọn giặc phải bó tay chịu hàng".

Bài tập 3. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử.

A. ☐ Vào thế kỉ XII, đế chế Mông Cổ liên tiếp tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược và thống trị nhiều nước ở lục địa Á – Âu.

B. ☐ Đầu năm 1258, quân Mông Cổ do tướng Thoát Hoan chỉ huy từ Vân Nam tiến vào Đại Việt.

C. ☐ Tháng 5 – 1285, quân Trần tổ chức phản công, đánh bại quân giặc ở nhiều nơi như: Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương rồi tiến vào giải phóng Thăng Long, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

D. ☐ Trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, kế sách "vườn không nhà trống" đều được nhà Trần sử dụng.

B Tự luận

Bài tập 1. Đọc và khai thác các đoạn thông tin dưới đây.

1. Sau trận Bình Lệ Nguyên, vua Trần Thái Tông tỏ ý lo lắng và hỏi ý kiến Thái sư Trần Thủ Độ, ông đã trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo".

2. Khắp nơi quân ta tự động thích vào cánh tay của mình hai chữ "Sát Thát"... Tại điện Diên Hồng, khi được hỏi về kế đánh giặc, tất cả các bô lão đều đồng thanh hô lớn: "Đánh!".

3. Thượng hoàng Trần Thánh Tông đến gặp Trần Quốc Tuấn và có ý dò hỏi: "Thế giặc như thế, ta phải hàng thôi". Trần Quốc Tuấn trả lời: "Xin bệ hạ chém đầu thần rồi hãy hàng".

4. Năm 1285, danh tướng Trần Bình Trọng chỉ huy quân đánh chặn địch để vua Trần và triều đình rút về Thiên Trường. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, ông bị bắt. Quân giặc dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc nhưng ông khẳng khái đáp trả: "Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc".

5. Ở Hội nghị Bình Than, vua thấy Trần Quốc Toản còn nhỏ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn kích, tay cầm quả cam mà bóp nát lúc nào không biết.

Em hãy:

a) Chỉ ra điểm chung về tinh thần kháng chiến của vua tôi nhà Trần.

b) Tìm những từ, cụm từ trong các đoạn thông tin thể hiện tinh thần đó.

c) Nêu nhận xét về tinh thần kháng chiến của vua tôi nhà Trần.

Bài tập 2. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong các cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần.

Thuộc tỉnh (thành phố) ngày nay	Sự kiện lịch sử
.....	Trận Bình Lệ Nguyên
.....	Trận Đông Bộ Đầu
Yên Bái – Lào Cai	Dân binh địa phương truy kích quân Mông Cổ ở phủ Quy Hoá
.....	Hội nghị Diên Hồng
.....	Hội nghị Bình Than
.....	Chiến thắng Tây Kết, Chương Dương
.....	Chiến thắng Hàm Tử
.....	Chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục
.....	Chiến thắng Bạch Đằng

Bài tập 3. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Cuộc kháng chiến	Những chiến thắng tiêu biểu	Kết quả
.....	.....	.....

Bài tập 4. Em hãy đánh giá vai trò của Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông đối với cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Bài tập 5. Ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên đã để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Bài 15 NƯỚC ĐẠI NGU THỜI HỒ (1400 – 1407)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vương triều Hồ được thành lập là do*

A. vua Trần nhường ngôi cho Hồ Quý Ly.

B. Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi.

C. nhà Minh yêu cầu nhà Trần truyền ngôi cho nhà Hồ.

D. quý tộc Trần suy tôn Hồ Quý Ly lên ngôi.

1.2. *Vì sao Hồ Quý Ly lại tiến hành cải cách toàn diện đất nước?*

A. Muốn xoá bỏ mọi chính sách của nhà Trần.

B. Muốn gây thanh thế cho mình.

C. Xã hội Đại Việt lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc, tình hình rối ren, nhân dân bất bình.

D. Muốn biến Đại Việt trở thành nước hùng mạnh nhất khu vực thời bấy giờ.

1.3. *Hồ Quý Ly tiến hành cải cách trong các lĩnh vực nào?*

A. Chính trị, quân sự.

B. Kinh tế, xã hội.

C. Văn hoá, giáo dục.

D. Cải cách toàn diện.

1.4. *Để tăng cường sức mạnh quân sự, nhà Hồ đã thực hiện biện pháp gì?*

A. Cải cách chế độ học tập, thi cử để chọn người tài.

B. Thực hiện chính sách hạn điền, hạn nô.

C. Lập lại kỉ cương, cải tổ quy chế quan lại.

D. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy, xây dựng nhiều thành luỹ.

1.5. *Hồ Quý Ly cho phát hành loại tiền giấy đầu tiên là*

A. Thông bảo hội sao.

B. Thông bảo.

C. Thuận Thiên thông bảo.

D. Thánh Nguyên thông bảo.

1.6. *Ý nào **không** đúng về tác động tích cực của cải cách Hồ Quý Ly?*

A. Góp phần củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

B. Tăng cường tiềm lực kinh tế đất nước.

C. Góp phần phát triển văn hoá dân tộc.

D. Nhiều biện pháp cải cách chưa triệt để, kết quả thực hiện còn hạn chế.

1.7. *Quân Minh lấy cớ nào để tiến hành xâm lược Đại Việt?*

A. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần.

B. Quý tộc Trần cầu cứu nhà Minh giúp đỡ.

C. Nhà Hồ không thực hiện chế độ triều cống nhà Minh.

D. Quân đội nhà Hồ quấy nhiễu biên giới phía Nam.

1.8. *Khai thác tư liệu 1, 2 (tr. 76, SGK) cho biết nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ là gì?*

A. Nhà Hồ mới thành lập nên tiềm lực kinh tế còn yếu.

B. Lực lượng quân Minh quá mạnh.

C. Nhà Hồ không được nhân dân ủng hộ.

D. Lực lượng quân đội của nhà Hồ quá yếu.

1.9. *Liên hệ với kiến thức đã học và cho biết thế kỉ X đến thế kỉ XIV, triều đại nào tồn tại lâu nhất ở nước ta?*

A. Triều Tiền Lê.

B. Triều Lý.

C. Triều Trần.

D. Triều Hồ.

Bài tập 2. Hãy ghép nhân vật lịch sử ở cột A với thông tin ở cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Hồ Quý Ly	a) sáng chế súng thần cơ.
2. Hồ Nguyên Trừng	b) tướng chỉ huy quân Minh xâm lược Đại Ngu.
3. Hồ Hán Thương	c) thi đỗ Thái học sinh dưới triều Hồ.
4. Trương Phụ, Mộc Thạnh	d) trị vì đất nước từ năm 1400 đến năm 1407.
5. Nguyễn Trãi	e) tiến hành cải cách đất nước, chỉ ở ngôi một thời gian ngắn.

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) về các sự kiện lịch sử.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....	Xây dựng thành Tây Đô.
.....	Vương triều Hồ thành lập.
.....	Nhà Hồ tổ chức kì thi Thái học sinh đầu tiên.
.....	Quân Minh sang xâm lược nước ta.
.....	Quân Minh chiếm được thành Đa Bang và Đông Đô.
.....	Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương bị bắt.
.....	Quân Minh áp đặt ách thống trị lên đất nước ta.

Bài tập 2. Lập bảng hệ thống (hoặc sơ đồ tư duy) về cải cách Hồ Quý Ly với nội dung cơ bản và tác động đối với Vương triều Hồ.

Bài tập 3. Từ nội dung các đoạn tư liệu sau, theo em nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thất bại của cuộc kháng chiến chống Minh là gì? Vì sao? Hãy lấy dẫn chứng từ tư liệu.

1. Khi họp bàn về kế sách chống giặc Minh, Hồ Nguyên Trừng nói: "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi".

(Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, 1993, tr. 211)

2. Nguyễn Trãi đã từng nhận xét:

Cọc gỗ lớp lớp trồng trước sóng biển;
Xích sắt ngầm dưới sông cũng vậy thôi.
Thuyền bị lật mới tin rằng dân là như nước.

(Theo Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập, Quan hải tùng thư (dịch nghĩa)*, NXB Khoa học xã hội, 2020, tr. 222)

CHƯƠNG 6 KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 – 1527)

Bài 16 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?*

A. Chính sách cai trị tàn độc của quân Minh đối với nhân dân Đại Việt.

B. Quân Minh ép Lê Lợi ra làm quan.

C. Do tác động của cuộc khởi nghĩa Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng.

D. Vương triều Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống Minh.

1.2. *Nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa là*

A. Lang Chánh (Thanh Hoá).

B. Tây Đô (Thanh Hoá).

C. Lam Sơn (Thanh Hoá).

D. Thọ Xuân (Thanh Hoá).

1.3. *Vì sao cuối năm 1424, Nguyễn Chích hiến kế cho nghĩa quân Lam Sơn đánh chiếm Nghệ An?*

A. Căn cứ của nghĩa quân ở Thanh Hoá đã bị quân Minh chiếm.

B. Nghệ An không có quân Minh nên dễ dàng đánh chiếm.

C. Nghệ An là quê hương của Nguyễn Chích, nên ông rất hiểu về vùng đất này.

D. Nghệ An là vùng đất rộng, người đông, địa thế hiểm yếu, có thể làm căn cứ lâu dài để phát triển lực lượng nghĩa quân.

1.4. *Tháng 11 – 1426, nghĩa quân Lam Sơn đã mai phục và giành thắng lợi trước quân Minh ở đâu?*

A. Tốt Động – Chúc Động (Hà Nội).

B. Chi Lăng – Xương Giang (Lạng Sơn – Bắc Ninh).

C. Đông Quan (Hà Nội).

D. Tây Đô (Thanh Hoá).

1.5. *Tại ải Chi Lăng (Lạng Sơn), nghĩa quân Lam Sơn đã phục kích và giết tướng Minh là*

A. Vương Thông.

C. Liễu Thăng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B. Mộc Thạnh. D. Trần Trí.

1.6. *Nguyên nhân quan trọng nhất quyết định sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là gì?*

A. Do nhân dân ta luôn nêu cao tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại độc lập cho dân tộc.

B. Do quân Minh suy yếu và không còn ý chí chiến đấu.

C. Do đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân.

D. Do nghĩa quân Lam Sơn có tinh thần kỉ luật cao, lực lượng đông đảo và vũ khí tốt.

1.7. *Điểm khác nhau căn bản giữa khởi nghĩa Lam Sơn (1417 – 1427) so với các cuộc kháng chiến thời Lý, Trần là gì?*

A. Diễn ra trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm đô hộ.

B. Khi giành thắng lợi về quân sự đã chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh.

C. Không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, điều kiện kinh tế nước ta gặp khó khăn.

D. Quân xâm lược rất hùng mạnh, có kinh nghiệm trong chiến tranh xâm lược.

Bài tập 2. Hãy ghép thông tin ở cột A với nhân vật lịch sử ở cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Ông học rộng, tài cao, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Ông đã dâng bản *Bình Ngô sách* và trở thành quân sư của Lê Lợi.	a) Liễu Thăng, Mộc Thạnh
2. Ông là người "tuy gặp thời loạn mà chí càng bền, ẩn náu trong núi rừng, chăm nghề cày cấy. Vì giận quân giặc tàn bạo lấn hiếp nên càng chuyên tâm về sách thao lược, dốc hết của nhà, hậu đãi tân khách...".	b) Nguyễn Xí
3. Ông là người đề ra kế sách "tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu" trong khởi nghĩa Lam Sơn.	c) Lê Lợi
4. Chỉ huy 15 vạn viện binh theo hai đường Quảng Tây, Vân Nam tiến vào nước ta.	d) Vương Thông
5. Dẫn đầu phái đoàn của quân Minh tham gia Hội thề Đông Quan để chấm dứt chiến tranh.	e) Nguyễn Chích
6. Ông đã liều mình cứu chủ tướng Lê Lợi.	g) Nguyễn Trãi
	h) Lê Lai

Bài tập 3. Hãy lựa chọn các từ/cụm từ cho sẵn: *yêu nước, giải phóng dân tộc, độc lập, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Nguyễn Xí, Lê Lợi, nhân dân ta, hơn hai mươi năm* để hoàn thiện các đoạn dữ liệu sau.

Khởi nghĩa Lam Sơn là một cuộc chiến tranh .....(1)..... có tính chất nhân dân rộng rãi, chấm dứt .....(2)..... đô hộ của nhà Minh, khôi phục nền .....(3)....., mở ra thời kì phát triển mới cho dân tộc.

Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi là do .....(4)..... có lòng .....(5)..... nồng nàn, ý chí và quyết tâm giành lại nền độc lập cho đất nước. Nhân dân đã cùng đứng lên, đóng góp của cải, lương thực, vũ khí,... và trải qua nhiều gian khổ, hi sinh để giành thắng lợi cuối cùng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa còn gắn liền với đường lối đúng đắn, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân, đứng đầu là những lãnh tụ xuất sắc .....(6)..... và .....(7)..... cùng những vị tướng tài như .....(8)..... ,.....(9).....

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng (theo mẫu dưới đây) những nội dung lịch sử phù hợp với các mốc thời gian của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Thời gian	Nội dung lịch sử
Đầu năm 1416	
Đầu năm 1418	
Từ năm 1418 – 1423	
Từ năm 1424 – 1425	
Từ năm 1426 – 1427	
Tháng 12 – 1427	
Tháng 1 – 1428	

Bài tập 2. Hãy lập và hoàn thành bảng tóm tắt diễn biến chính (theo mẫu dưới đây) về hai trận đánh lớn góp phần quan trọng vào thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

Trận Tốt Động – Chúc Động	Trận Chi Lăng – Xương Giang
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. Tìm hiểu về bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi và chia sẻ những điều em biết về những nội dung gợi ý dưới đây.

Hoàn cảnh ra đời	.....
Nội dung	.....
Ý nghĩa	.....

Bài tập 4. Hãy giải thích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn.

Bài tập 5. Theo em, những nhân vật lịch sử nào có vai trò quan trọng đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn? Trình bày những đóng góp của họ.

Bài tập 6. Từ sự thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, em rút ra được bài học kinh nghiệm gì đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 17 ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vị vua đầu tiên của Vương triều Lê sơ là*

A. Lê Thái Tổ.
C. Lê Thánh Tông.
B. Lê Thái Tông.
D. Lê Nhân Tông.

1.2. *Bộ luật nào được ban hành dưới triều Lê sơ?*

A. Hình thư.
C. Quốc triều hình luật.
B. Hình luật.
D. Hoàng Việt luật lệ.

1.3. *Một số cửa khẩu như Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Hà Tĩnh), Tam Kỳ (Quảng Nam) là nơi*

A. giao lưu buôn bán với các thương nhân nước ngoài.
B. xây dựng các hệ thống phòng ngự ở biên giới.
C. sản xuất và buôn bán các mặt hàng thủ công.
D. đầu mối các mạng lưới giao thương.

1.4. *Một số tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Trãi là*

A. Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập.
B. Đại Việt sử kí toàn thư, Lam Sơn thực lục.
C. Việt giám thông khảo tổng luận, Hoàng triều quan chế.
D. Đại thành toán pháp, Bình Ngô đại cáo.

1.5. *Chính sách trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo của nhà Lê sơ là*

A. đề cao Nho giáo và Phật giáo.

B. đề cao Phật giáo, hạn chế Nho giáo.

C. đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo và Đạo giáo.

D. đề cao Phật giáo và tín ngưỡng dân gian.

1.6. *Văn thơ chữ Nôm của Lê Thánh Tông được tập hợp lại trong tác phẩm*

A. Bình Ngô đại cáo.

B. Quốc âm thi tập.

C. Lam Sơn thực lục.

D. Hồng Đức quốc âm thi tập.

1.7. *Nền giáo dục, khoa cử đặc biệt phát triển, trở thành nguồn đào tạo, tuyển chọn quan lại dưới triều đại nào?*

A. Triều Lý.

B. Triều Trần.

C. Triều Hồ.

D. Triều Lê sơ.

1.8. *Ai là người đã cho lập bia để ghi danh tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)?*

A. Lê Thái Tổ.

B. Nguyễn Trãi.

C. Lê Nhân Tông.

D. Lê Thánh Tông.

1.9. *Nhận xét nào đúng nhất về tổ chức nhà nước thời Lê sơ?*

A. Bộ máy nhà nước hoàn chỉnh, chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, quyền hành tập trung trong tay nhà vua.

B. Bộ máy nhà nước do vua đứng đầu, với hai cấp chính quyền: trung ương và địa phương.

C. Đã bãi bỏ các chức quan trung gian để tập trung quyền lực vào tay nhà vua.

D. Đã hình thành sáu bộ, phụ trách các mảng công việc, giúp việc cho nhà vua.

Bài tập 2. Hãy ghép các ô ở cột A với cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Lê Thánh Tông	a) biên soạn sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.
2. Phan Phu Tiên	b) tác giả của *Hồng Đức quốc âm thi tập*.
3. Ngô Sỹ Liên	c) tác giả của Văn bia Tiến sĩ đầu tiên.
4. Thân Nhân Trung	d) biên soạn sách *Đại Việt sử ký*.
5. Lương Thế Vinh	e) tác giả của *Chí Linh sơn phú*.
6. Lý Tử Tấn	g) biên soạn sách *Đại thành toán pháp*.

Bài tập 3. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử.

A. ☐ Chính quyền trung ương thời Lê sơ được tổ chức quy củ, chặt chẽ hơn so với các triều đại trước.

B. ☐ Thời Lê sơ, Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo được nhà nước đề cao và coi trọng.

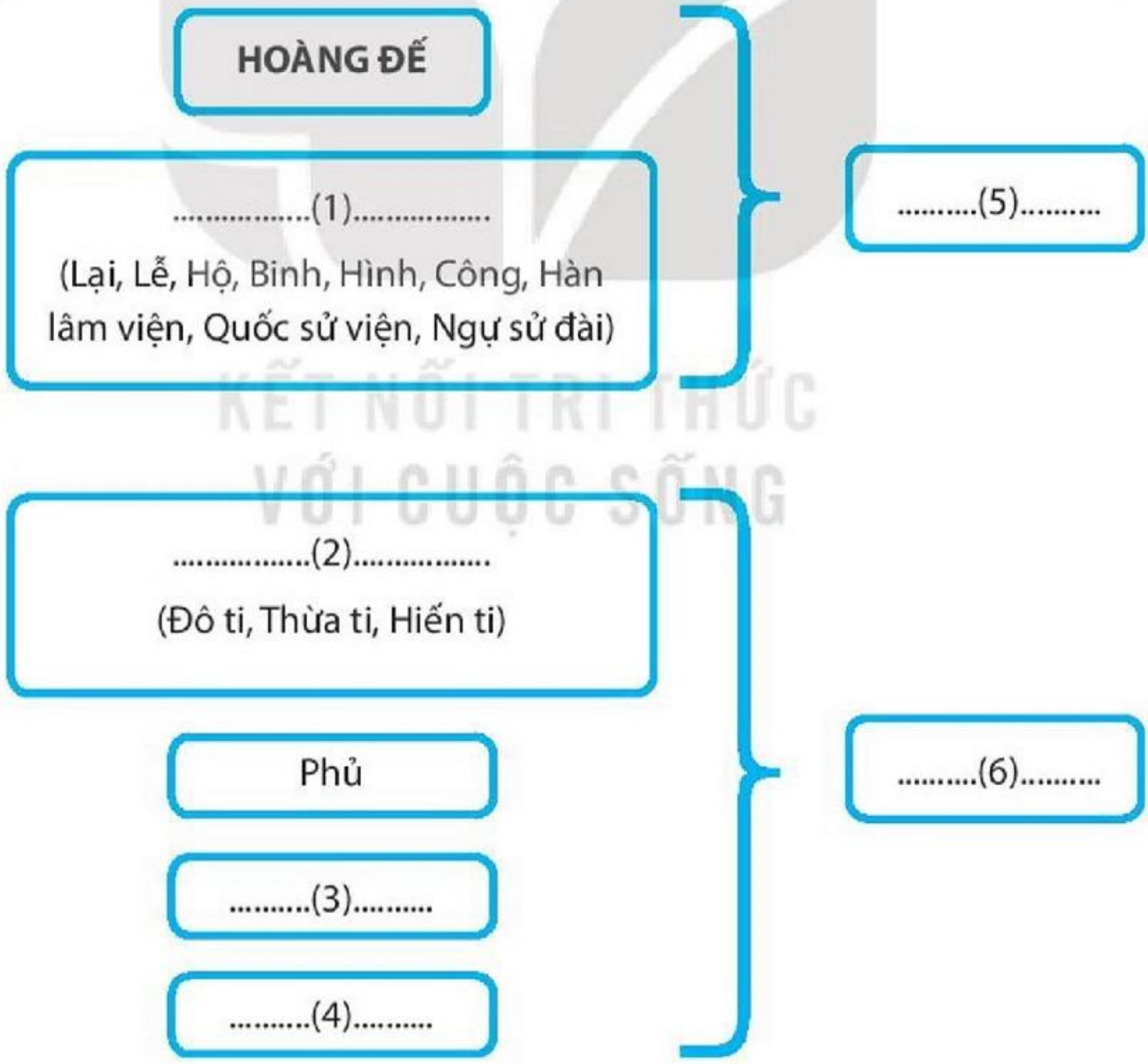
C. ☐ Thời Lê sơ, do chính sách hạn điền nên giữa quý tộc và bình dân đã không còn sự phân biệt như trước.

D. ☐ Hội Tao đàn là hội thơ ca do Nguyễn Trãi đứng đầu.

E. ☐ Năm 1471, biên giới Đại Việt đã được mở rộng đến khu vực tỉnh Phú Yên ngày nay.

B Tự luận

Bài tập 1. Hoàn thành sơ đồ tổ chức nhà nước thời Lê sơ (theo mẫu dưới đây).



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 2. Hãy xác định mốc thời gian tương ứng với các sự kiện lịch sử trong bảng sau.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
.....	Vương triều Lê sơ thành lập.
.....	Mở rộng biên giới Đại Việt đến Phú Yên.
.....	Lê Thánh Tông căn dặn đại thần khi đàm phán về vấn đề biên giới Đại Việt – Đại Minh.
.....	Lập bia Tiến sĩ đầu tiên ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
.....	Lê Thánh Tông sáng lập Hội Tao đàn.
.....	Thân Nhân Trung viết: "Hiền tài là nguyên khí quốc gia" trên bia Tiến sĩ đầu tiên.

Bài tập 3. Hãy lập và hoàn thành bảng so sánh về tình hình kinh tế thời Trần với thời Lê sơ (theo mẫu dưới đây).

So sánh	Thời Trần	Thời Lê sơ
Giống nhau	.....	
Khác nhau		
Nông nghiệp	.....	.....
Thủ công nghiệp	.....	.....
Thương nghiệp	.....	.....

Bài tập 4. Hãy cho biết suy nghĩ của em về lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông: *"Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần… Nếu ngươi dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di".*

Bài tập 5.

Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn.

Hai câu ca trên cho biết vài nét điều gì về sự phát triển của nền kinh tế thời Lê sơ nói chung và nông nghiệp nói riêng. Hãy chỉ ra nguyên nhân của sự phát triển đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 7 VÙNG ĐẤT PHÍA NAM VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 18 VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA VÀ VÙNG ĐẤT NAM BỘ TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Vương triều Vi-giay-a được thành lập năm nào?*

A. Năm 989.
C. Năm 999.
B. Năm 988.
D. Đầu thế kỉ X.

1.2. *Kinh đô Vi-giay-a thuộc địa danh nào ngày nay?*

A. Thăng Bình (Quảng Nam).
C. Tuy Phước (Bình Định).
B. Tuy Hoà (Phú Yên).
D. An Nhơn (Bình Định).

1.3. *Thời kì thịnh đạt nhất của Vương triều Vi-giay-a cũng như của Vương quốc Chăm-pa là*

A. từ năm 988 đến năm 1220.
C. từ năm 1220 đến năm 1353.
B. từ cuối thế kỉ XIV đến năm 1471.
D. từ năm 1471 đến đầu thế kỉ XVI.

1.4. *Một số thành tựu nổi bật về kinh tế mà người Chăm đạt được trong thời kì từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI là*

A. xây dựng hải cảng mới như Đại Chiêm (Quảng Nam), khai thác và buôn bán nhiều loại lâm thổ sản quý như trầm hương,...

B. xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định), khai thác và buôn bán nhiều loại lâm thổ sản quý như trầm hương, long não, sừng tê giác,...

C. xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định), mở rộng nhiều lò gốm nổi tiếng như Gò Sành, Trường Cửu, Gò Cây Me (Bình Định).

D. mở rộng hải cảng Đại Chiêm (Quảng Nam), xây dựng hải cảng mới như Tân Châu (Bình Định),...

1.5. *Tôn giáo có vị trí quan trọng nhất trong đời sống tôn giáo – tín ngưỡng của cư dân Chăm-pa thời kì này là*

A. Phật giáo.
C. Nho giáo.
B. Hin-đu giáo.
D. Đạo giáo.

1.6. *Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, vùng đất Nam Bộ thuộc quyền quản lí của vương quốc nào?*

A. Phù Nam.
C. Chân Lạp.
B. Chăm-pa.
D. Lục Chân Lạp.

1.7. *Các ngành kinh tế chính của cư dân vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI là*

A. thương mại đường biển.
B. nghề thủ công và buôn bán nhỏ.
C. trồng lúa kết hợp chăn nuôi, đánh bắt thuỷ hải sản.
D. thương mại đường biển và trồng lúa.

1.8. *Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, cư dân vùng đất Nam Bộ chịu ảnh hưởng lớn của nền văn hoá*

A. Trung Quốc.
C. Đại Việt
B. Ấn Độ.
D. Đông Nam Á.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng (Đ) hoặc sai (S) về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. ☐ Thương mại đường biển giữ vai trò chính trong hoạt động kinh tế của người Chăm thời kì này.

B. ☐ Từ giữa thế kỉ XIII, Vương triều Vi-giay-a sụp đổ đã dẫn đến lãnh thổ Chăm-pa thu hẹp và chia thành nhiều tiểu quốc khác nhau.

C. ☐ Tháp Pô-Klong Ga-rai ở Ninh Thuận, cụm đền tháp Dương Long ở Bình Định, tháp Pô-na-ga ở Khánh Hoà là những thành tựu về kiến trúc và điêu khắc Chăm-pa tiêu biểu nhất được xây dựng trong thời kì này.

D. ☐ Từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, cư dân ở vùng đất Nam Bộ tập trung chủ yếu ở những vùng đất cao về phía tây.

E. ☐ Nền văn minh Ăng-co có ảnh hưởng sâu sắc và chi phối đến đời sống văn hoá của cư dân vùng đất Nam Bộ trong thời kì này.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B Tự luận

Bài tập 1. Hoàn thiện sơ đồ khái quát về diễn biến chính trị của Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI (theo mẫu dưới đây).

a) Vương quốc Chăm-pa



b) Vùng đất Nam Bộ



Bài tập 2. Hình 3, 4, 5 (tr. 92 – 93, SGK) là những hiện vật liên quan đến Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc này?

Bài tập 3.

a) Kể tên một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Chăm từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI và cho biết thành tựu nào còn được bảo tồn đến ngày nay.

Thành tựu	Thành tựu còn được bảo tồn đến ngày nay

b) Là một học sinh, theo em cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của thành tựu đó?

Bài tập 4. Liên hệ với kiến thức đã học, em hãy:

a) Lập và hoàn thành bảng so sánh (theo mẫu dưới đây) những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá giữa Vương quốc Phù Nam (trước thế kỉ VII) và vùng đất Nam Bộ trong giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

So sánh	Vương quốc Phù Nam	Vùng đất Nam Bộ
Giống nhau		
Khác nhau		
Chính trị		
Kinh tế		
Văn hoá		

b) Lí giải vì sao trong một thời kì dài, triều đình Chân Lạp không thể quản lí và kiểm soát được vùng đất Nam Bộ.

CHỦ ĐỀ CHUNG 1

CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Nguyên nhân sâu xa dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí trong các thế kỉ XV – XVI là gì?*

A. Sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất ở các nước Tây Âu.

B. Nhu cầu tìm con đường mới để sang phương Đông.

C. Khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng.

D. Nhu cầu hiểu biết khoa học về đại dương, Trái Đất.

1.2. *Nhu cầu tìm con đường biển từ châu Âu sang phương Đông được đặt ra cấp thiết từ khi nào?*

A. Thế kỉ XIII.

B. Thế kỉ XIV.

C. Thế kỉ XV.

D. Thế kỉ XVI.

1.3. *Vì sao nhu cầu tìm kiếm con đường biển từ châu Âu sang phương Đông lại đặt ra cấp thiết?*

A. Hành trình theo đường bộ nhiều rủi ro và tốn kém.

B. Tuyến đường bộ bị người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ độc chiếm.

C. Giao thương bằng đường biển nhanh chóng và hiệu quả hơn so với đường bộ.

D. Nhu cầu muốn khám phá thế giới của con người.

1.4. *Ý nào **không** phản ánh đúng về bước tiến mới của khoa học – kĩ thuật ở châu Âu thời trung đại?*

A. Hiểu biết đúng đắn về hình dạng Trái Đất.

B. Bước đầu có những hiểu biết về các dòng hải lưu, hướng gió.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

C. Chế tạo tàu biển sử dụng động cơ hơi nước.

D. Đóng được tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn.

1.5. *Nhà thám hiểm nào lựa chọn hành trình đi về hướng tây?*

A. V. Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

B. B. Đi-a-xơ.

D. C. Cô-lôm-bô và Ph. Ma-gien-lăng.

1.6. *Ai là người tìm ra châu Mỹ?*

A. V. Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

B. C. Cô-lôm-bô.

D. B. Đi-a-xơ

1.7. *Chuyến thám hiểm của nhà hàng hải nào đã chứng minh trên thực tiễn rằng Trái Đất có dạng cầu?*

A. V. Ga-ma.

C. Ph. Ma-gien-lăng.

B. C. Cô-lôm-bô.

D. A-mê-ri-gô.

1.8. *Một trong những tác động của các cuộc phát kiến địa lí là*

A. thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của thương nghiệp và công nghiệp châu Âu.

B. tạo cơ sở ra đời của các thương đoàn trung đại.

C. vô hiệu hoá vai trò của người Ả Rập ở Trung Đông.

D. đưa đến sự hình thành "con đường tơ lụa" trên biển thay thế con đường giao đường trên bộ.

1.9. *Một trong những tác động tích cực của các cuộc phát kiến địa lí đối với lịch sử loài người là*

A. đem lại cho loài người hiểu biết về những con đường mới, vùng đất mới,...

B. dẫn đến tình trạng bần cùng hoá người lao động (nhất là nông dân).

C. dẫn đến nạn buôn bán nô lệ từ châu Phi sang châu Mỹ.

D. dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân châu Âu.

1.10. *Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho những tầng lớp nào ở châu Âu?*

A. Tăng lữ, quý tộc.

C. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc.

B. Công nhân, quý tộc.

D. Thương nhân, quý tộc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 2. Hãy ghép các ý ở cột A với cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

Cột A	Cột B
1. Nguyên nhân của các cuộc phát kiến địa lí	a) Làm xuất hiện quá trình xâm lược thực dân và cướp bóc thuộc địa.
	b) Một số chính quyền phong kiến cung cấp tài chính cho các chuyến thám hiểm.
	c) Hiểu biết của con người được mở rộng hơn về những con đường mới, vùng đất mới,...
	d) Khoa học – kĩ thuật có những bước tiến vượt bậc.
2. Điều kiện của các cuộc phát kiến địa lí	e) Nhu cầu về nguyên liệu, vàng bạc và thị trường ngày càng tăng lên.
	g) Làm xuất hiện những trung tâm thương nghiệp mới ở châu Âu.
	h) Làm giàu cho giới quý tộc và thương nhân châu Âu.
3. Tác động của các cuộc phát kiến địa lí	i) Những con đường buôn bán truyền thống bị người Ả Rập và Thổ Nhĩ Kỳ khống chế.
	k) Đóng được những con tàu dài có bánh lái và hệ thống buồm lớn.

Bài tập 3. Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử và giải thích ngắn gọn câu sai.

A. Đến thế kỉ XV, con người đã có những hiểu biết đầy đủ về các châu lục trên thế giới.

B. Từ thời cổ đại, la bàn nam châm đã được sử dụng phổ biến để xác định hướng đi trên sông, biển khi không có Mặt Trời hay trăng, sao.

C. Ca-ra-ven là một trong những bước tiến lớn về kĩ thuật hàng hải vào cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

D. Mục tiêu ban đầu của các cuộc đại phát kiến địa lí là tìm kiếm vùng đất mới.

E. C. Cô-lôm-bô cùng đoàn thuỷ thủ đã tiến hành duy nhất một cuộc thám hiểm đến châu Mỹ.

G. C. Cô-lôm-bô là người đặt tên cho châu Mỹ là A-mê-ri-ca.

H. Chuyến đi của Ph. Ma-gien-lăng và các thuỷ thủ đã chứng minh trên thực tiễn về dạng cầu của Trái Đất.

I. Phát kiến địa lí đã mở ra những cơ hội hiểu biết, giao lưu văn hoá giữa phương Đông và phương Tây.

K. Ph. Ma-gien-lăng đã chỉ huy đoàn thám hiểm trở về Tây Ban Nha.

L. Phát kiến địa lí đã đem lại sự giàu có cho tất cả tầng lớp trong xã hội châu Âu.

B Tự luận

Bài tập 1. Từ hành trình của các cuộc đại phát kiến địa lí, em ấn tượng nhất với hành trình nào? Vì sao?

Bài tập 2. Có ý kiến cho rằng: Cuộc thám hiểm của C. Cô-lôm-bô đã thất bại vì không tìm được con đường biển sang Ấn Độ như mục tiêu ban đầu đặt ra. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Bài tập 3. Hãy lập và hoàn thiện sơ đồ tư duy (theo mẫu dưới đây) về nguyên nhân, điều kiện, tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí.



Bài tập 4. Hãy cho biết suy nghĩ của em về sự có mặt của người châu Âu ở các nước châu Á sau các cuộc phát kiến địa lí.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHỦ ĐỀ CHUNG 2

ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

A Trắc nghiệm

Bài tập 1. Hãy xác định phương án đúng.

1.1. *Các đô thị cổ đại phương Đông thường hình thành ở đâu?*

A. Trên các bán đảo và đảo ven biển.
C. Vùng trung du.
B. Lưu vực các dòng sông lớn.
D. Vùng cao nguyên.

1.2. *Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân phương Đông là*

A. nông nghiệp.
C. chăn nuôi du mục.
B. buôn bán.
D. đánh bắt hải sản.

1.3. *Ý nào **không** phải là điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự định cư đầu tiên của cư dân phương Đông cổ đại?*

A. Đồng bằng phì nhiêu, màu mỡ.
C. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
B. Nguồn nước tưới dồi dào.
D. Địa hình bằng phẳng, dễ canh tác.

1.4. *Ý nào **không** phản ánh đúng vai trò của các đô thị cổ đại phương Đông?*

A. Là trung tâm hành chính.
C. Là đầu mối giao thông.
B. Là đầu mối kinh tế.
D. Là trung tâm sản xuất công nghiệp.

1.5. *Điều kiện tự nhiên quan trọng nhất đối với sự hình thành các đô thị ở Hy Lạp và La Mã cổ đại là gì?*

A. Có nhiều vũng, vịnh thuận lợi cho việc thành lập những hải cảng.
B. Đất đai tơi xốp, màu mỡ do phù sa của các con sông lớn bồi tụ.
C. Có nhiều mỏ khoáng sản với trữ lượng lớn.
D. Ở lưu vực các dòng sông lớn nên nguồn nước tưới dồi dào.

1.6. *Ý nào **không** trả lời cho câu hỏi "Các đô thị ở Hy Lạp và La Mã cổ đại có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của các nền văn minh"?*

A. Là trung tâm buôn bán nô lệ.
B. Là trung tâm kinh tế, chính trị của nhà nước.
C. Đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.
D. Là quê hương của nhiều thành tựu văn học, nghệ thuật, triết học,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1.7. *Điểm khác biệt quan trọng giữa các đô thị Hy Lạp và La Mã với các đô thị cổ đại phương Đông là*

A. hoạt động buôn bán phát triển.

B. thường lấy một hải cảng làm trung tâm.

C. cư dân đông đúc.

D. sản xuất thủ công nghiệp là một trong những hoạt động kinh tế chủ đạo.

1.8. *Từ thế kỉ XI, ở Tây Âu đã xuất hiện*

A. những tiền đề của nền kinh tế hàng hoá.

B. những công trường thủ công.

C. những công ti thương mại lớn.

D. những hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

1.9. *Hình thức tổ chức nghề nghiệp của các thương nhân trong các đô thị châu Âu trung đại là*

A. phường hội.

B. công trường thủ công.

C. thương hội

D. Cục Bách tác.

1.10. *Giới thương nhân có vai trò rất lớn trong các thành thị trung đại,* ***ngoại trừ*** *việc*

A. thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển.

B. đòi hỏi phải xây dựng nền văn hoá mới tiên tiến.

C. đấu tranh chống sự áp bức của các lãnh chúa.

D. đấu tranh đòi quyền tự do cho nông nô.

1.11. *Ý nào* ***không*** *phản ánh đúng về hoạt động của giới thương nhân trong các đô thị châu Âu trung đại?*

A. Hằng năm, thường tổ chức các hội chợ.

B. Thành lập các thương hội (hội buôn).

C. Đẩy mạnh hoạt động buôn bán với nước ngoài.

D. Tổ chức sản xuất thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu của các thành thị.

Bài tập 2. Hãy lựa chọn ý ***không*** đúng khi mô tả về các đô thị ở Hy Lạp, La Mã cổ đại?

A. Ra đời sớm hơn các đô thị ở phương Đông cổ đại.

B. Là những trung tâm kinh tế, chính trị của các nhà nước cổ đại.

C. Thành phần cư dân sinh sống chủ yếu là thợ thủ công và thương nhân.

D. Kinh tế chủ đạo là thương mại đường biển và sản xuất thủ công nghiệp.

E. Hình thành ở nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

Bài tập 3. Hãy lựa chọn các từ/cụm từ cho sẵn: *thủ công nghiệp, vũng, màu mỡ, lâu năm, vịnh, lương thực, buôn bán hàng hải, mỏ, hải cảng, bờ biển* để hoàn thiện đoạn dữ liệu sau:

Đất đai ở Hy Lạp và La Mã ít ….(1)…., không thích hợp cho việc trồng cây ….(2)…., chỉ thích hợp trồng những cây ….(3)…. Đổi lại, đường ….(4)….dài, lại khúc khuỷu, gồ ghề, tạo nhiều ….(5)…., ….(6)…. thuận lợi cho việc lập những ….(7)….Hơn nữa, ở đây có nhiều ….(8)…. khoáng sản, rất thích hợp cho các cư dân phát triển mạnh sản xuất ….(9)…. Đó cũng là điều kiện thuận lợi thúc đẩy kinh tế ….(10)…. phát triển, trở thành ngành kinh tế chủ đạo của các thành thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã.

B Tự luận

Bài tập 1. Hãy lập và hoàn thành bảng so sánh (theo mẫu dưới đây) để thấy được sự khác nhau giữa đô thị cổ đại ở phương Đông và đô thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã.

Nội dung so sánh	Đô thị cổ đại ở phương Đông	Đô thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã
Điều kiện địa lí		
Điều kiện lịch sử		
Vai trò		

Bài tập 2. Dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet, hãy nêu ví dụ về sự phát triển hay suy tàn của một nền văn minh thời cổ đại gắn liền với sự thịnh vượng hay suy tàn của đô thị.

Bài tập 3. Theo em, sự phát triển của đô thị châu Âu thời trung đại gắn liền với vai trò của tầng lớp thương nhân có ý nghĩa đối với sự phát triển của các quốc gia ngày nay không? Vì sao?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN HAI: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP

CHƯƠNG 1. TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 1

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11
A	D	B	A	C	D	A	D	A	B	A

Bài tập 2. Ghép: 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c.

Bài tập 3. Đúng: B, D, E; Sai: A, C.

Bài tập 4. Đáp án: C, D.

Bài tập 5. Đáp án: B, C, G.

B Tự luận

Bài tập 2. *HS có thể dựa vào những câu hỏi gợi ý sau để viết đoạn văn:*

– Em thấy các lãnh địa có rộng lớn không? Bao gồm những khu đất nào?

– Lâu đài của lãnh chúa và nhà ở của nông nô khác nhau như thế nào?

– Hệ thống tường cao bao quanh và các tháp canh ở khu đất của lãnh chúa trong lãnh địa có tác dụng gì?

– Các lãnh chúa đang yết kiến ai? Tư thế và trang phục của họ khi đó như thế nào?

– Hằng ngày các lãnh chúa làm những công việc gì?

– Ai lao động sản xuất cực nhọc, vất vả trên các cánh đồng?

Bài tập 3. Trước khi các thành thị ra đời, nền kinh tế của xã hội Tây Âu tập trung trong các lãnh địa phong kiến. Nông nô sản xuất ra mọi sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của lãnh địa. Việc trao đổi, buôn bán với bên ngoài rất hạn chế.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lãnh chúa chỉ mua những thứ mà người nông nô không tự sản xuất ra được như sắt, muối,.... Mỗi lãnh địa là một đơn vị kinh tế gần như biệt lập, khép kín.

Khi thành thị ra đời, hoạt động sản xuất thủ công nghiệp và buôn bán trở thành chủ đạo, đã phá vỡ dần nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, khép kín của lãnh địa. Quan hệ hàng hoá, tiền tệ đã được hình thành, thúc đẩy thương mại của các nước Tây Âu phát triển mạnh hơn.

Bài tập 4. Cơ sở của chế độ phong kiến phân quyền chính là sự tồn tại biệt lập của các lãnh địa. Mỗi lãnh địa có hệ thống tiền tệ, đo lường, luật pháp riêng,... Mỗi lãnh chúa được ví như một "ông vua con", thậm chí nhà vua cũng phải thừa nhận quyền "miễn trừ".

Khi thành thị ra đời đã thúc đẩy nền kinh tế hàng hoá phát triển mạnh hơn. Nền kinh tế này đòi hỏi phải có một thị trường thống nhất và rộng lớn hơn, hệ thống tiền tệ, đo lường, luật pháp cũng phải thống nhất,... Do đó, các thị dân ủng hộ nhà vua trong việc đấu tranh xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, thống nhất quốc gia, hình thành chế độ phong kiến tập quyền.

Bài tập 5. HS tìm hiểu thêm, liên hệ với nhiều thành thị, trường đại học,... nổi tiếng ở châu Âu hiện nay để biết được lịch sử lâu đời của nó và nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của thành thị trung đại đối với ngày nay.

Bài 2

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
B	A	B	B	D	D	C	A

Bài tập 2. Đáp án: A, C, D.

Bài tập 3. Ghép: 1 – b; 2 – c, g; 3 – e, h; 4 – a, d.

B Tự luận

Bài tập 1. (1) XV, (2) XVI, (3) Tây Ban Nha (hoặc Bồ Đào Nha), (4) Bồ Đào Nha (hoặc Tây Ban Nha), (5) vùng đất mới, (6) những con đường, (7) châu Âu (hoặc "cho châu Âu","cho thương nhân châu Âu"), (8) tiêu cực, (9) quý tộc, (10) thương nhân.

Bài tập 2. Đoạn tư liệu trên là khái quát của C. Mác về những hình thức tích luỹ ban đầu để tạo ra vốn và nhân công nhiều nhất, nhanh nhất sau các cuộc phát kiến địa lí, từ đó dẫn đến sự xác lập của chủ nghĩa tư bản:

– Giai cấp tư sản ra sức mở rộng kinh doanh, lập các công trường thủ công, những đồn điền quy mô lớn và cả các công ti thương mại.

– Hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa: quan hệ chủ – thợ.

Bài tập 3. Vào thế kỉ XVI, len dạ của Anh rất nổi tiếng nhờ chất lượng tốt, trở thành mặt hàng buôn bán chủ đạo của các thương nhân Anh ở khắp các thị trường châu Âu. Do đó, giới quý tộc Anh đã tăng cường cướp đoạt ruộng đất của những người nông dân, biến đồng ruộng thành các đồng cỏ chăn nuôi cừu, lấy lông cừu cung cấp cho các xưởng dệt len dạ. Những người nông dân bị mất ruộng đất trở thành những kẻ lang thang, họ ra thành phố làm thuê cho các xưởng thủ công, các đồn điền, trở thành những người vô sản.

Bài tập 5. HS liên hệ với lịch sử Việt Nam để biết được do tác động của phát kiến địa lí, nước thực dân nào đã xâm lược và biến nước ta trở thành thuộc địa.

Bài 3

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
B	A	C	B	D	B	D	B

Bài tập 2. Ghép: 1, 3, 6 – a; 2, 4 – b; 5, 7, 8 – c.

Bài tập 3. Đúng: A, B, H.

Sai: C (vì quê hương của phong trào Văn hoá Phục hưng là I-ta-li-a); D (vì nội dung chủ đạo là đề cao giá trị con người và tự do cá nhân); E (vì mục đích của các nhà tư tưởng trong phong trào Văn hoá Phục hưng là ủng hộ giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến lỗi thời); G (vì phong trào Cải cách tôn giáo là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

B Tự luận

Bài tập 2. Điểm giống nhau giữa phong trào Văn hoá Phục hưng và Cải cách tôn giáo là:

– Lên án gay gắt Giáo hội Thiên Chúa giáo.

– Là các cuộc đấu tranh công khai trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến, mở đường cho văn hoá Tây Âu phát triển.

Bài tập 3. Đồng ý với nhận xét của Ph. Ăng-ghen vì: Phong trào Văn hoá Phục hưng là cuộc đấu tranh đầu tiên trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng, chống lại nền văn hoá lỗi thời, lạc hậu của chế độ phong kiến, xây dựng một nền văn hoá mới mang đậm tinh thần nhân văn của giai cấp tư sản. Phong trào này có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại nhất trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng trong lịch sử loài người.

Thời đại Văn hoá Phục hưng đã để lại nhiều tên tuổi với những đóng góp lớn lao về nhiều mặt: văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên,... (dẫn chứng). Thậm chí, để bảo vệ cho quan điểm của mình, họ đã phải chấp nhận bị bỏ tù hoặc đánh đổi tính mạng (G. Ga-li-lê, Mác-tin Lu-thơ,...).

HS có thể tìm hiểu thêm về một tác phẩm nghệ thuật như *Bích hoạ của Mi-ken-lăng-giơ trên vòm nhà thờ Xích-xtin* để chứng minh cho ý: khổng lồ về tư tưởng,... về tài năng mọi mặt và sự hiểu biết sâu rộng,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHƯƠNG 2. TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ THỜI TRUNG ĐẠI

Bài 4

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
B	C	C	A	B	A	D	D

Bài tập 2. (1) Đường; (2) thời kì Ngũ đại; (3) Tống; (4) Nguyên; (5) Minh; (6) Thanh.

Bài tập 3. Đúng: A, C, D, E, G.

Sai: B (vì nhà Đường là triều đại trị vì ở Trung Quốc trước nhà Tống), H (vì bộ *Sử kí* của Tư Mã Thiên là tác phẩm ở thời Hán).

Bài tập 4. (1) Trung Quốc, (2) Minh, (3) Tử Cấm Thành, (4) Thi Nại Am, (5) La Quán Trung, (6) Ngô Thừa Ân, (7) Tào Tuyết Cần.

B Tự luận

Bài tập 1.

b) Những thành tựu văn hoá mà người Trung Quốc đạt được rất toàn diện và rực rỡ trên cơ sở kế thừa những di sản văn hoá từ các thế kỉ trước. Đồng thời những thành tựu đó có ảnh hưởng đến các nước láng giềng.

Bài tập 2. Những dẫn chứng chứng tỏ sự phồn thịnh của xã hội Trung Quốc dưới thời Đường:

– Bộ máy nhà nước được hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.

– Mở các khoa thi để tuyển chọn người tài phục vụ đất nước.

– Giảm thuế, thực hiện chế độ quân điền, áp dụng nhiều kĩ thuật canh tác mới,... nhờ vậy nông nghiệp có bước phát triển.

– Xuất hiện nhiều xưởng thủ công với hàng chục người làm việc.

– Nhiều thành thị trở nên phồn thịnh. Nhà Đường có quan hệ buôn bán với hầu hết các nước ở Đông Nam Á; "con đường tơ lụa" được phổ biến và phát triển hơn thời kì trước.

– Văn học đạt được nhiều thành tựu và có ảnh hưởng đến văn học các nước khác, đặc biệt là thơ Đường.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3.

a) Thời Minh – Thanh, các thành thị ở Trung Quốc trở nên phồn thịnh như Nam Kinh, Bắc Kinh,...:

– Thành thị là nơi tập trung dân cư đông đúc (*ở Nam Kinh thời Minh có khoảng 1 triệu người, Bắc Kinh có khoảng 600 nghìn người,...*).

– Các nghề thủ công dần chuyên môn hoá và phát triển (*trong thành phố có nhiều khu vực đặt tên theo nghề thủ công như phường Gốm, phường Đồng,...*).

Những biểu hiện trên đã chứng tỏ kinh tế Trung Quốc thời Minh – Thanh rất phát triển và đã xuất hiện mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa.

b) Kinh tế thời Minh – Thanh có điểm mới so với thời Đường là: Sự xuất hiện của mầm mống kinh tế tư bản với sự ra đời của nhiều xưởng thủ công tương đối lớn và thuê nhiều nhân công.

Bài 5

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
D	A	C	A	D	C	D	A

Bài tập 2. Đúng: C, D, G.

Sai: A (vì đã phổ biến công cụ bằng sắt), B (vì Hin-đu giáo là tôn giáo thịnh hành ở Ấn Độ từ thời Vương triều Gúp-ta cho đến ngày nay), E (vì vua A-cơ-ba xây dựng khối hoà hợp dân tộc trên cơ sở hạn chế sự phân biệt sắc tộc, tôn giáo).

Bài tập 3. Ghép: 1 – a, g; 2 – d, e; 3 – b, c.

B Tự luận

Bài tập 1.

b) Vương triều Đê-li có vai trò lớn trong việc truyền bá và phổ biến Hồi giáo ở Ấn Độ. Kinh tế Ấn Độ thời kì này tiếp tục được phát triển với nhiều thành thị xuất hiện, nông nghiệp được khuyến khích, quan hệ buôn bán với nước ngoài được đẩy mạnh. Tuy nhiên, do sự phân biệt về sắc tộc và tôn giáo nên mâu thuẫn dân tộc gay gắt làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống lại triều đình của nhân dân.

Vương triều Mô-gôn là triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ. Vương triều này có nhiều chính sách tích cực để đưa Ấn Độ đạt được bước phát triển mới, nhất là dưới thời trị vì của vua A-cơ-ba như: xã hội ổn định, kinh tế phát triển, văn hoá đạt nhiều thành tựu rực rỡ.

Bài tập 2.

a) Những từ/cụm từ mô tả về đất nước Ấn Độ: *sự khoan hoà; đời sống sung túc và tự do; vẻ nguy nga, tráng lệ của thành phố và các lâu đài; sự quan tâm của nhà vua; lập các nhà an dưỡng, bệnh xá,...*

b) Vương triều Gúp-ta là thời kì phát triển của chế độ phong kiến ở miền Bắc Ấn Độ trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội, văn hoá,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. HS tìm kiếm thông tin, hình ảnh từ sách, báo và internet về một công trình kiến trúc của Ấn Độ thời phong kiến mà mình ấn tượng nhất (Lăng Ta-giơ Ma-han, Chùa hang A-gian-ta, Đền Kha-giu-ra-hô,...) và viết bài giới thiệu (có cả hình ảnh minh hoạ).

HS có thể lựa chọn và giới thiệu về bất kì công trình nào theo quan điểm của mình. Điều quan trọng là HS nêu được lí do lựa chọn, địa điểm, thời gian xây dựng, mô tả sơ lược về kiến trúc, nét độc đáo và giá trị của công trình.

CHƯƠNG 3. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 6

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
D	C	D	B	D	A	D	C

Bài tập 2. Đúng: A, C; Sai: B, D.

Bài tập 3. Ghép: (1) – Thái Lan, (2) – Lào, (3) – Cam-pu-chia, (4) – Mi-an-ma.

B Tự luận

Bài tập 2. Trên cơ sở tiếp thu và chọn lọc tinh hoa văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc, các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã xây dựng được một nền văn hoá truyền thống riêng của dân tộc mình và đóng góp vào kho tàng văn hoá nhân loại những giá trị rất độc đáo.

Bài tập 3. HS tìm thông tin trên các sách, báo, internet để giới thiệu một thành tựu văn hoá Đông Nam Á thời kì này theo nhiều cách thức: làm poster, viết bài giới thiệu có kèm hình ảnh, lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng riêng của mình,...

Những nội dung quan trọng khi giới thiệu:

– Tên thành tựu đó? Thuộc quốc gia nào ngày nay?

– Nét đặc sắc của thành tựu.

– Vì sao lại ấn tượng về thành tựu đó?

– Những giá trị của thành tựu đó?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4
D	A	C	A

Bài tập 2. Đúng: A, C; Sai: B, D.

B Tự luận

Bài tập 2. Vương quốc Lào thời Lan Xang phát triển thịnh vượng: bộ máy nhà nước được xây dựng khá hoàn chỉnh; kinh tế, xã hội phát triển; chính sách ngoại giao vừa mềm dẻo vừa kiên quyết.

Bài tập 3. Thời kì Lan Xang, người Lào đã xây dựng được một nền văn hoá riêng của mình với nhiều thành tựu tiêu biểu, đồng thời cũng có sự tiếp thu chọn lọc thành tựu văn hoá của các nước trong khu vực.

Bài 8

A Trắc nghiệm

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
B	A	D	D	C

Bài tập 2. Đúng: A, B, C, D; Sai: E.

B Tự luận

Bài tập 2. Thời kì Ăng-co là thời kì phát triển đỉnh cao của Vương quốc Cam-pu-chia trên tất cả các lĩnh vực, trở thành một cường quốc trong khu vực.

Bài tập 3. Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc một số thành tựu văn hoá Ấn Độ, người Cam-pu-chia đã xây dựng được một nền văn hoá riêng hết sức độc đáo, nhiều thành tựu tiêu biểu vẫn được bảo tồn và giữ nguyên giá trị đến ngày nay.

CHƯƠNG 4. ĐẤT NƯỚC DƯỚI THỜI CÁC VƯƠNG TRIỀU NGÔ – ĐINH – TIỀN LÊ (939 – 1009)

Bài 9

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6
D	B	D	B	A	B

Bài tập 2. Đúng: B, C, E; Sai: A, D.

Bài tập 3. (1) Quan văn (Quan võ); (2) Quan võ (Quan văn); (3) Thứ sử các châu.

Bài tập 4. Đáp án: A, B, C.

B Tự luận

Bài tập 1. Ý kiến "Ngô Quyền đã khẳng định được nền độc lập của dân tộc và tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc phát triển đất nước sau này" là đúng vì:

– Ngô Quyền đã lãnh đạo quân ta đánh bại quân xâm lược Nam Hán (938), kết thúc hơn 1 000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc.

– Sau chiến thắng, ông đã bắt tay vào xây dựng nền độc lập: bỏ chức tiết độ sứ, xưng vương, xây dựng chính quyền mới, tạo ra nền tảng căn bản cho công cuộc xây dựng đất nước độc lập, tự chủ sau này.

Bài tập 2. Những việc làm của Ngô Quyền sau chiến thắng Bạch Đằng (938) khác với Khúc Thừa Dụ sau khi khởi nghĩa thành công (905) là:

Việc làm của Ngô Quyền	Việc làm của Khúc Thừa Dụ
Ngô Quyền xưng vương, bỏ chức tiết độ sứ.	Khúc Thừa Dụ tự xưng là tiết độ sứ.

Bài tập 3. Đinh Bộ Lĩnh là người tài giỏi, được nhân dân ủng hộ. Ông đã có công lao to lớn trong việc chấm dứt tình trạng cát cứ của 12 sứ quân, hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước.

Bài 10

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4
C	C	D	B

Bài tập 2. Đúng: A, B, D, E, H; Sai: C (vì thời Đinh – Tiền Lê, Nho giáo chưa có ảnh hưởng sâu rộng), G (vì ca trù là loại hình văn hoá dân gian ra đời vào khoảng thế kỉ XV, tuồng ra đời vào thế kỉ XVII), I (vì nhà Đinh tổ chức quân đội thành 10 đạo).

Bài tập 3.

3.1. Đúng: B, C, D.

3.2. Đúng: E.

3.3. Đúng: B.

Bài tập 4. Ghép: 1 – c, e; 2 – a, b, d, g.

B Tự luận

Bài tập 2. Tổ chức chính quyền thời Đinh – Tiền Lê đã được kiện toàn hơn cả ở trung ương và địa phương so với thời Ngô. Song nhìn chung tổ chức chính quyền thời Ngô, Đinh – Tiền Lê còn đơn giản, chưa đầy đủ.

Mặc dù vậy, việc xây dựng bộ máy chính quyền thời Ngô, Đinh – Tiền Lê đã khẳng định tính chất độc lập – tự chủ và đặt nền móng cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn sau.

Bài tập 3. Những đóng góp của Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn:

– Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt dẹp yên các sứ quân, chấm dứt tình trạng cát cứ, thống nhất đất nước và lập ra nhà Đinh, khẳng định ở mức độ cao hơn nền độc lập của Đại Cồ Việt.

– Lê Hoàn là người trực tiếp tổ chức, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (năm 981) thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, lập ra nhà Tiền Lê, tiếp tục công cuộc xây dựng đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 11

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10
D	D	A	D	C	A	D	A	B	C

Bài tập 2. Đúng: A, B, C, E, G, I; Sai: D, H.

Bài tập 3. Ghép: 1 – c, d; 2 – a, b, e.

Bài tập 4. (1) phân hoá; (2) vua; (3) quan lại; (4) địa chủ; (5) lĩnh canh; (6) thấp kém; (7) triều đình.

B Tự luận

Bài tập 2.

a) Nhà Lý rất chú trọng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp bằng việc thực hiện nhiều biện pháp như: cày ruộng tịch điền, thi hành chính sách "ngụ binh ư nông"; dạy cung nữ dệt gấm vóc,...

b) Những chính sách đó đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển. Nhờ đó, nhiều năm mùa màng bội thu, trong nước đã tự sản xuất được nhiều loại gấm vóc đẹp, chất lượng tốt không thua kém gì gấm vóc của nhà Tống.

Bài tập 3. Lý Công Uẩn là người có học vấn, thông minh và tài đức. Ông làm quan trong triều Tiền Lê đến chức Điện tiền Chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân,... Khi Lê Long Đĩnh mất, giới sư sãi và đại thần đã tôn ông lên làm vua.

Bài tập 4. Tổ chức nhà nước thời Lý đã được kiện toàn và hoàn thiện hơn so với thời Đinh – Tiền Lê.

Bài tập 5.

a) Việc xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám đánh dấu bước phát triển mới của văn hoá – giáo dục Đại Việt thời Lý. Thể hiện truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, tôn vinh giáo dục của dân tộc.

b) HS tìm hiểu thêm, liên hệ thực tế, giới thiệu một số sự kiện về văn hoá – giáo dục được tổ chức tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám như: Vinh danh Thủ khoa các trường đại học,...

Bài 12

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
D	C	D	C	D	A	D	C

Bài tập 2. Đúng: A, B, C; Sai: D (vì lãnh đạo cuộc chiến đấu trên phòng tuyến sông Như Nguyệt là Lý Thường Kiệt).

B Tự luận

Bài tập 1.

Nội dung	Cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ X	Cuộc kháng chiến chống Tống thế kỉ XI
Thời gian	981	1075 – 1077
Người lãnh đạo	Lê Hoàn	Lý Thường Kiệt
Kết quả	Quân Tống đại bại, buộc phải rút về nước.	Lý Thường Kiệt chủ động đề nghị "giảng hoà", quân Tống rút quân về nước.
Ý nghĩa	Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chứng tỏ bước phát triển mới của Đại Cồ Việt.	Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, khiến nhà Tống phải từ bỏ giấc mộng thôn tính Đại Việt.

Bài tập 2. Việc xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt để chặn giặc đã thể hiện rõ tinh thần chủ động, quyết tâm kháng chiến của quân dân Đại Việt; nghệ thuật quân sự độc đáo cũng như sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo của Lý Thường Kiệt.

Bài tập 3. Là tổng chỉ huy cuộc kháng chiến, Lý Thường Kiệt đã:

– Tích cực, chủ động chuẩn bị kháng chiến (làm thất bại ý đồ tiến công phối hợp của nhà Tống với Chăm-pa,...).

– Huy động được sức mạnh của toàn dân cho cuộc kháng chiến.

– Đề ra kế sách đánh giặc tài tình, độc đáo ("tiến công trước để tự vệ", xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt, chủ động đề nghị giảng hoà để kết thúc chiến tranh,...).

Bài tập 4. Bài học kinh nghiệm cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay: đường lối và phương pháp đấu tranh đúng đắn: đoàn kết toàn dân, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh đảm bảo sự cứng rắn về nguyên tắc (độc lập dân tộc), mềm dẻo về sách lược và phương pháp.

Bài 13

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11
C	A	A	D	C	C	C	D	D	B	B

Bài tập 2. Đúng: A, C, D, E; Sai: B, G.

Bài tập 3. Ghép: 1 – b; 2 – c; 3 – d; 4 – a.

B Tự luận

Bài tập 1. – Tầng lớp quý tộc: có nhiều đặc quyền, nắm giữ các chức vụ chủ chốt của bộ máy chính quyền.

– Địa chủ: có nhiều ruộng đất, cho nông dân lĩnh canh ruộng đất để cày cấy và nộp thuế.

– Nhân dân lao động: là tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội (nông dân cày cấy ruộng đất công làng xã, thợ thủ công và thương nhân tăng nhanh khiến thương nghiệp và thủ công nghiệp phát triển).

– Nông nô, nô tì: số lượng đông đảo, chuyên cày cấy trong các điền trang hoặc phục dịch trong các gia đình quý tộc.

Bài tập 2. – Nguyễn Thuyên (Hàn Thuyên): *Văn tế cá sấu*,...

– Trần Nhân Tông: *Cư trần lạc đạo phú*,...

– Chu Văn An: *Thất trảm sớ*, *Linh sơn tạp hứng*,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài tập 3. – Thời Lý, việc học tập, thi cử để tuyển chọn những người tài bổ sung vào bộ máy chính quyền được chú ý. Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu; năm 1075, cho mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại. Năm 1076, Quốc Tử Giám được thành lập, là nơi học tập của con em quý tộc; sau đó, mở rộng đến con quan lại và những người giỏi trong nước.

– Thời Trần, Quốc Tử Giám được mở rộng, các trường học xuất hiện ở nhiều địa phương, các kì thi Nho học được tổ chức thường xuyên và quy củ hơn.

Nhận xét: So với thời Lý, tình hình giáo dục ở thời Trần phát triển hơn. Sự phát triển của giáo dục tạo điều kiện cho xã hội thời Trần phát triển hơn một bước.

Bài tập 4. a) là nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc, sau đó đến con quan lại và những người giỏi trong nước.

b) *Đại Việt sử ký*, *Việt sử lược*, *Việt sử cương mục*, *Việt Nam thế chí*,...

c) Trần Quốc Tuấn.

d) Tuệ Tĩnh.

Bài tập 5.

b) Những việc mà HS có thể làm được để bảo tồn và phát huy giá trị của thành tựu:

– Tìm hiểu giá trị cũng như thực trạng của những thành tựu đó.

– Tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đến những người xung quanh.

...

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 14

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11
D	C	A	C	A	A	C	D	D	D	C

Bài tập 2. (1) đồng lòng, (2) hoà thuận, (3) góp sức.

Bài tập 3. Đúng: C, D; Sai: A, B.

B Tự luận

Bài tập 1.

a) Điểm chung: Thể hiện tinh thần yêu nước, quyết tâm đánh giặc, bảo vệ độc lập dân tộc.

b) Những từ/cụm từ thể hiện tinh thần kháng chiến của vua tôi nhà Trần: *đầu thần chưa rơi, xin bệ hạ đừng lo; thích vào cánh tay hai chữ "Sát Thát"; đồng thanh hô lớn: "Đánh!"; chém đầu thần rồi hãy hàng; thà làm quỷ nước Nam, không thèm làm vương đất Bắc; hổ thẹn, phẫn kích, bóp nát.*

c) Nhận xét: Trong bất kì hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt thế nào, vua tôi nhà Trần vẫn nêu cao tinh thần yêu nước, quyết tâm, anh dũng đánh giặc. Đó là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến thắng lợi trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. Và đó cũng là một truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Bài tập 4. HS phải biết kết hợp thông tin ở cả bài học trước, đặc biệt là lấy dẫn chứng từ những đoạn tư liệu trong bài học để đánh giá công lao của từng nhân vật đối với cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. Trần Quốc Tuấn là vị Tổng chỉ huy quân đội trong hai cuộc kháng chiến lần thứ hai và thứ ba, đã cùng với các vua Trần đưa ra những chủ trương, kế sách đúng đắn, là điều kiện tiên quyết dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến; là người huấn luyện quân đội, khích lệ tinh thần các chiến sĩ thông qua việc soạn thảo *Hịch tướng sĩ;* là tác giả của các bộ binh thư nổi tiếng: *Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư,...*

Bài tập 5. Chọn bài học lịch sử mà HS cho là quan trọng nhất và giải thích lí do vì sao em lựa chọn bài học đó. *Ví dụ*, em chọn: Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc (giải thích).

Bài 15

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9
B	C	D	D	A	D	A	C	B

Bài tập 2. Ghép: 1 – e, 2 – a, 3 – d, 4 – b, 5 – c.

B Tự luận

Bài tập 3. Đây là dạng bài tập đòi hỏi HS khai thác thông tin và rút ra suy luận từ nguồn tư liệu. HS tiến hành theo các bước sau:

1. Đọc kĩ tư liệu, gạch chân dưới các từ khoá liên quan đến nguyên nhân thất bại.

2. Nêu suy luận của em.

3. Lấy dẫn chứng từ tư liệu để tăng tính thuyết phục cho suy luận (là các từ khoá được xác định).

Ví dụ: Suy luận: Từ nội dung hai đoạn tư liệu cho thấy, nguyên nhân quan trọng nhất khiến cuộc kháng chiến chống Minh của nhà Hồ nhanh chóng thất bại là do không đoàn kết được nhân dân, không được nhân dân ủng hộ.

Dẫn chứng: *Lòng dân không theo, thuyền bị lật mới tin dân như nước,...*

CHƯƠNG 6. KHỞI NGHĨA LAM SƠN VÀ ĐẠI VIỆT THỜI LÊ SƠ (1418 – 1527)

Bài 16

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7
A	C	D	A	C	A	A

Bài tập 2. Ghép: 1 – g; 2 – c; 3 – e; 4 – a; 5 – d; 6 – h.

Bài tập 3. (1) giải phóng dân tộc; (2) hơn hai mươi năm; (3) độc lập; (4) nhân dân; (5) yêu nước; (6) Lê Lợi; (7) Nguyễn Trãi; (8) Nguyễn Xí; (9) Nguyễn Chích.

B Tự luận

Bài tập 3.

– Hoàn cảnh ra đời: Đầu năm 1428, sau khi đã dẹp xong giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua, giao cho Nguyễn Trãi viết bài cáo để tuyên bố kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình cho đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Nội dung: Tổng kết cuộc kháng chiến của quân dân Đại Việt từ những ngày gian lao ở núi Chí Linh đến các thắng lợi lẫy lừng Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang.

– Ý nghĩa: Thể hiện niềm tự hào dân tộc sâu sắc, chủ nghĩa yêu nước và nhân đạo của nhân dân ta trong cuộc khởi nghĩa đó.

Bài tập 5. Vai trò của các vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:

– Nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo tối cao của Lê Lợi trong toàn bộ tiến trình phát triển của cuộc khởi nghĩa.

– Nhấn mạnh đến vai trò quân sư và đấu tranh ngoại giao của Nguyễn Trãi trong toàn bộ tiến trình phát triển của cuộc khởi nghĩa.

– Nhấn mạnh đến chiến lược mở rộng địa bàn hoạt động vào Nghệ An làm chỗ đứng chân để phát triển lực lượng, tiến quân ra Bắc của Nguyễn Chích trong cuộc khởi nghĩa.

Bài tập 6. Từ khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta rút ra được bài học kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay:

– Phải dựa vào sức dân.

– Phải huy động được tinh thần đoàn kết toàn dân mới có thể đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Như Bác Hồ từng nói: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công".

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 17

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9
A	C	A	A	C	D	D	D	A

Bài tập 2. Ghép: 1 – b; 2 – d; 3 – a; 4 – c; 5 – g; 6 – e.

Bài tập 3. Đúng: A, E; Sai: B, C, D.

B Tự luận

Bài tập 1. (1) Cơ quan trung ương; (2) Đạo/Thừa tuyên; (3) Huyện/Châu; (4) Xã/sách/động; (5) Trung ương; (6) Địa phương.

Bài tập 3.

So sánh	Thời Trần	Thời Lê sơ
Giống nhau	Đều coi trọng và khuyến khích phát triển nông nghiệp. Thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng phát triển.	
Khác nhau		
Nông nghiệp	Cho phép lập điền trang, thái ấp.	Đặt phép quân điền, định kì chia đều ruộng công làng xã.
Thủ công nghiệp	Hình thành nhiều làng nghề, phường nghề; sản phẩm thủ công nghiệp làm ra đa dạng nhưng chỉ buôn bán trong nước.	Thủ công nghiệp truyền thống phát triển nhanh, hình thành những làng nghề chuyên nghiệp. Đặc biệt nghề sản xuất gốm sứ xuất khẩu cũng phát triển.
Thương nghiệp	Hoạt động buôn bán diễn ra ở khắp nơi. Các cửa khẩu dọc biên giới và cửa biển trở thành nơi buôn bán tấp nập, thu hút nhiều thương nhân nước ngoài đến trao đổi hàng hoá.	Triều đình khuyến khích lập chợ để thúc đẩy buôn bán giữa các địa phương. Việc buôn bán với nước ngoài được duy trì và xuất khẩu được nhiều mặt hàng có giá trị.

Bài tập 4. Lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia của nhà Lê sơ.

Bài tập 5. Hai câu thơ cho thấy một đời sống kinh tế sung túc, no đủ (thóc lúa nhiều). Điều đó chứng tỏ nền kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng thời Lê sơ rất phát triển.

Nhà Lê sơ đã đề ra nhiều chính sách tiến bộ để phát triển sản xuất, đặc biệt là nông nghiệp (đặt các chức quan chuyên trách, thực hiện chính sách quân điền,...).

CHƯƠNG 7. VÙNG ĐẤT PHÍA NAM VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Bài 18

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
B	D	C	D	B	C	C	B

Bài tập 2. Đúng: C, D; Sai: A (vì nông nghiệp là hoạt động chủ yếu trong hoạt động kinh tế thời kì này), B (vì cuối thế kỉ XIV, Vương triều Vi-giay-a mới khủng hoảng và sụp đổ), E (vì ảnh hưởng của nền văn minh Ăng-co đối với vùng đất Nam Bộ không đậm nét).

B Tự luận

Bài tập 2. Những hiện vật hình 3, 4, 5 (tr. 92 – 93, SGK) đã chứng tỏ thủ công nghiệp, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của người Chăm thời kì này rất phát triển.

Bài tập 3.

a) Những thành tựu văn hoá còn bảo tồn đến ngày nay của người Chăm: chữ Chăm, cụm đền tháp Dương Long (Bình Định), Pô-na-ga (Khánh Hoà), Pô-klong Ga-rai (Ninh Thuận),...

b) Những việc mà HS có thể làm được để bảo tồn và phát huy giá trị của thành tựu:

– Tìm hiểu giá trị cũng như thực trạng của những thành tựu đó.

– Tham gia các hoạt động để tuyên truyền, phổ biến về việc bảo vệ di sản cho những người xung quanh.

Bài tập 4.

b) Trong một thời kì dài, triều đình Chân Lạp không thể quản lí và kiểm soát được vùng đất Nam Bộ là vì:

– Với truyền thống quen khai thác các vùng đất cao, với dân số ít, người Khơ-me khi đó không có khả năng tổ chức khai thác vùng đồng bằng rộng lớn mới bồi lấp, còn ngập nước và sình lầy. Hơn nữa, việc khai khẩn đất đai trên vùng đất gốc – Lục Chân Lạp đang đòi hỏi rất nhiều thời gian và sức lực.

– Tình trạng chiến tranh diễn ra thường xuyên giữa Chân Lạp với Chăm-pa: Chân Lạp chỉ dồn sức phát triển ở khu vực Biển Hồ, trung lưu sông Mê Công và mở rộng ảnh hưởng sang phía tây.

CHỦ ĐỀ CHUNG 1. CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10
A	C	B	C	D	B	C	A	A	D

Bài tập 2. Ghép: 1 – e, i; 2 – b, d, k; 3 – a, c, g, h.

Bài tập 3. Đúng: C, H, I.

Sai: A (vì thế kỉ XV, con người tìm ra vùng đất mới là châu Mỹ nhưng họ vẫn nghĩ đó là Ấn Độ); B (vì cuối thế kỉ XV la bàn nam châm mới được sử dụng phổ biến); D (vì mục tiêu ban đầu là tìm đường biển sang châu Á, cụ thể là Ấn Độ); E (vì Cô-lôm-bô cùng đoàn thuỷ thủ tiến hành bốn cuộc thám hiểm đến châu Mỹ); G (vì người đặt tên cho châu Mỹ là A-mê-ri-gô); K (vì Ph. Ma-gien-lăng đã thiệt mạng trong cuộc đụng độ với thổ dân ở Phi-líp-pin, S. Ê-ca-nô là người chỉ huy đoàn thám hiểm trở về Tây Ban Nha), L (vì người lao động (nhất là nông dân) ngày càng bị bần cùng hoá).

B Tự luận

Bài tập 1. HS có thể lựa chọn một trong hai hành trình đại phát kiến địa lí. Điều quan trọng là các em giải thích được lí do vì sao lại lựa chọn.

Ví dụ, em chọn: Hành trình thám hiểm tìm ra châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô.

Lí do: Vì hành trình này đã phát hiện ra một châu lục mới – châu Mỹ.

Bài tập 2. – HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm được nêu trong đề bài.

– HS cần lập luận, giải thích được vì sao (ngắn gọn, súc tích).

Bài tập 3. HS hoàn thiện sơ đồ tư duy đảm bảo các nội dung sau:

– Nguyên nhân: Do sự phát triển nhanh chóng của nền sản xuất ở các nước Tây Âu; nhu cầu tìm con đường thương mại mới sang phương Đông,...

– Điều kiện: Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật.

– Tác động: Đem lại hiểu biết về con đường mới, vùng đất mới,...; góp phần mở rộng phạm vi buôn bán; thúc đẩy thương nghiệp, công nghiệp phát triển,...

Bài tập 4. HS liên hệ với lịch sử Đông Nam Á và Việt Nam để trình bày suy nghĩ của mình và lí giải được vì sao: Sự có mặt của người châu Âu vừa mang lại những tác động tích cực (ví dụ), vừa mang lại những tác động tiêu cực đối với lịch sử Đông Nam Á (ví dụ).

CHỦ ĐỀ CHUNG 2. ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

A Trắc nghiệm

Bài tập 1.

1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10	1.11
B	A	C	D	A	A	B	A	C	D	D

Bài tập 2. Đáp án: A.

Bài tập 3. (1) màu mỡ; (2) lương thực; (3) lâu năm; (4) bờ biển; (5) vũng; (6) vịnh; (7) hải cảng; (8) mỏ; (9) thủ công nghiệp; (10) buôn bán hàng hải.

B Tự luận

Bài tập 1. HS hoàn thiện bảng theo gợi ý sau:

Nội dung so sánh	Đô thị cổ đại ở phương Đông	Đô thị cổ đại ở Hy Lạp, La Mã
Điều kiện địa lí	Hình thành ở lưu vực những dòng sông lớn; đất đai màu mỡ, bằng phẳng.	Hình thành ở vùng ven biển, nơi có các hải cảng.
Điều kiện lịch sử	Do sản xuất nông nghiệp phát triển dẫn tới sự phân hoá giai cấp.	Do sản xuất thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển, dân số tăng lên, từ khu định cư nhỏ ban đầu dần mở rộng thành các khu dân cư đông đúc, có sự phân công xã hội.

Vai trò	Là trung tâm hành chính, quân sự, đầu mối kinh tế, giao thông của các quốc gia cổ đại.	Là trung tâm kinh tế, chính trị của nhà nước, đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

Bài tập 2. HS tìm thông tin về vai trò của thành thị cổ như Ha-ráp-pa và Mô-hen-giô Đa-rô với sự hưng thịnh và suy tàn của văn minh sông Ấn ở Ấn Độ; hoặc vai trò của cảng thị Óc Eo hay kinh đô Ăng-co Bo-rây với sự hưng thịnh và suy tàn của đế quốc Phù Nam và nền văn minh Phù Nam.

Bài tập 3. – Các đô thị châu Âu thời trung đại (gắn liền với vai trò của các thương nhân) chính là quê hương của nền kinh tế hàng hoá, của nền kinh tế công nghiệp và thương mại,... thúc đẩy sự phát triển mạnh của các quốc gia ở châu Âu thời hậu kì trung đại; tạo nền tảng cho sự phát triển trong các giai đoạn tiếp theo và đến ngày nay.

– Nhiều thành thị trung đại với các thành tựu vật chất, tinh thần to lớn vẫn còn bảo tồn được giá trị đến ngày nay.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 - PHẦN LỊCH SỬ

Mã số: G1BH7S001H22
In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 17 x 24cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: 852-2022/CXBIPH/36-545/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-32477-1



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH BÀI TẬP LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Bài tập Ngữ văn 7, tập một
2. Bài tập Ngữ văn 7, tập hai
3. Bài tập Toán 7, tập một
4. Bài tập Toán 7, tập hai
5. Bài tập Khoa học tự nhiên 7
6. Bài tập Công nghệ 7
7. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7, phần Lịch sử
8. Bài tập Lịch sử và Địa lí 7, phần Địa lí
9. Bài tập Mĩ thuật 7
10. Bài tập Âm nhạc 7
11. Bài tập Giáo dục công dân 7
12. Bài tập Tin học 7
13. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
14. Tiếng Anh 7 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-32477-1

9 786040 324771

Giá: 15.000 đ